



**Y TẾ - DƯỢC PHẨM
VIỆT NAM**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2025**

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 3 |
| II. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY | 5 |
| 1. Thông tin khái quát..... | 5 |
| 2. Lịch sử hình thành và phát triển | 5 |
| 3. Thông tin cổ phần và cổ đông..... | 6 |
| 4. Cơ cấu tổ chức và quản lý..... | 7 |
| 5. Định hướng phát triển của Công ty..... | 10 |
| 6. Các rủi ro có thể phát sinh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh..... | 11 |
| III. SẢN PHẨM TIÊU BIỂU & ĐỊA BÀN KINH DOANH..... | 12 |
| 1. Sản phẩm tiêu biểu..... | 12 |
| 2. Địa bàn kinh doanh | 13 |
| IV. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025..... | 14 |
| 1. Tổng quan hoạt động kinh doanh Công ty..... | 14 |
| 2. Tình hình hoạt động các Công ty con, Công ty liên kết | 16 |
| 3. Tổ chức và Nhân sự | 17 |
| 4. Báo cáo tác động của Công ty liên quan đến môi trường và xã hội | 18 |
| V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 20 |
| 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty | 20 |
| 2. Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động của Ban TGD..... | 21 |
| 3. Phương hướng của HĐQT trong năm 2026..... | 22 |
| VI. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC..... | 23 |
| 1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025 | 23 |
| 2. Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2025 | 23 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý..... | 24 |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai | 24 |
| 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội..... | 24 |
| VII. QUẢN TRỊ CÔNG TY | 25 |
| 1. Báo cáo quản trị công ty | 25 |
| 2. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty..... | 30 |
| VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2025 | 31 |

I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ Nhìn lại năm 2025:

Năm 2025 đánh dấu chặng đường 04 năm Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam (“**Công ty/VMPI**”) triển khai phương thức quản trị OKRs, qua đó từng bước chuyển từ giai đoạn tiếp cận, làm quen sang giai đoạn vận hành ngày càng thực chất, đồng bộ và gắn chặt hơn với yêu cầu hiệu quả trong quản trị, điều hành. Đồng thời, trên nền tảng các giá trị đã được bồi đắp trong các năm trước, Công ty tiếp tục củng cố bản sắc văn hóa nội bộ theo hướng chuyên nghiệp, học hỏi và gắn kết, trong đó nổi bật là tinh thần đào tạo nội bộ và hình ảnh người VMPI vui vẻ, thân thiện, hòa đồng.

Cũng trong năm 2025, Công ty chính thức bắt đầu triển khai **Văn hóa 3Ts** như một định hướng quản trị và hành động xuyên suốt, gắn với kế hoạch và chiến lược trung, dài hạn của từng đơn vị. Ba trụ cột của văn hóa 3Ts gồm: T1 - Trọng tâm khách hàng, T2 - Tinh gọn - Hiệu suất cao, T3 - Tốc độ - Quyết liệt, qua đó hình thành hệ chuẩn hành vi chung cho cả đội ngũ lãnh đạo và nhân viên VMPI, tăng tính thống nhất trong quản trị, điều hành và phối hợp nội bộ. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, hiệu quả vận hành và năng lực thực thi trong giai đoạn phát triển tiếp theo trong năm 2026.

Năm 2025 cũng đánh dấu việc Công ty thực hiện đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật (JVC) thành **Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam (VMPI)**. Việc đổi tên đánh dấu bước chuyển trong định hướng phát triển của Công ty, từ nền tảng truyền thống trong lĩnh vực thiết bị, vật tư y tế thành mở rộng hơn sang lĩnh vực dược phẩm, phù hợp với chiến lược đa dạng hóa hoạt động kinh doanh và hợp tác với các đối tác uy tín trong và ngoài nước.

Năm 2025, với **kim chỉ nam “Thích ứng, bền vững và tốc độ”**, VMPI tiếp tục chủ động bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong điều hành và kiên định với mục tiêu phát triển hiệu quả, an toàn. Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tận dụng cơ hội thị trường, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, đồng thời tăng cường kiểm soát và tiết giảm chi phí trong toàn bộ hoạt động quản trị, điều hành.

Bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng đối mặt với **không ít khó khăn** khi thị trường thiết bị y tế Việt Nam ngày càng cạnh tranh gay gắt, chịu tác động mạnh từ cơ chế, chính sách quản lý nhà nước, tiến độ giải ngân, cũng như các quy định chặt chẽ trong lĩnh vực đấu thầu. Đặc biệt, việc đẩy mạnh số hóa, triển khai bệnh án điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống bệnh viện công đã tạo ra những yêu cầu mới đối với doanh nghiệp trong quá trình thích ứng và tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, dưới sự định hướng của Hội đồng quản trị, cùng với sự nỗ lực, kiên trì của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên, Công ty đã duy trì được hoạt động ổn định và đạt được một số kết quả tích cực về doanh thu và lợi nhuận như sau:

| | |
|--------------------------------|--|
| Doanh thu thuần 2025 | 763 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 63,5% so với kế hoạch của ĐHCĐ thường niên 2025 |
| Lợi nhuận sau thuế 2025 | 49,9 tỷ đồng |

❖ **Tóm tắt thông tin tài chính trong vòng 03 năm:**

Chỉ tiêu tài chính cơ bản (Giai đoạn 2023 - 2025):

| Chỉ tiêu | 2023 | 2024 | 2025 |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| Doanh thu thuần | 576.287.155.805 | 611.540.459.301 | 763.153.277.525 |
| Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế | 55.924.271.928 | 58.865.008.889 | 61.454.035.858 |
| Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế | 52.639.842.397 | 40.282.230.794 | 49.945.279.764 |
| Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu | 468 | 359 | 444 |
| Tổng tài sản | 686.676.856.095 | 828.102.672.175 | 1.071.950.679.281 |
| Tổng nợ phải trả | 187.331.323.956 | 288.286.032.550 | 445.319.045.730 |
| Vốn chủ sở hữu | 499.345.532.139 | 539.681.628.200 | 626.631.633.551 |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | 0,73 | 0,65 | 0,58 |
| Tổng nợ/Tổng tài sản | 0,27 | 0,35 | 0,41 |
| ROE (LNST/Tổng tài sản) | 8% | 5% | 5% |
| ROA (LNST/Vốn chủ sở hữu) | 11% | 7% | 8% |

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức, Công ty vẫn duy trì được đà tăng trưởng về quy mô hoạt động, với doanh thu thuần đạt **763 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2024**; lợi nhuận sau thuế đạt 49,95 tỷ đồng, cải thiện so với năm trước; tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng, cho thấy nền tảng tài chính của Công ty được củng cố. Các chỉ tiêu hiệu quả như EPS và ROA đều cải thiện trở lại, phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc mở rộng hoạt động đi đôi với kiểm soát hiệu quả kinh doanh. Kết quả này cho thấy Công ty đang từng bước phục hồi động lực tăng trưởng, nâng cao năng lực vận hành và củng cố vị thế trên thị trường.

❖ **Lời kết:**

Khép lại năm 2025, những kết quả đạt được là minh chứng cho sự kiên định trong định hướng điều hành, tinh thần đồng lòng của toàn hệ thống và năng lực thích ứng của Công ty trước biến động thị trường. Bước sang chặng đường tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục giữ vững kỷ luật quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động và theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, qua đó củng cố niềm tin của cổ đông và tạo lập giá trị dài hạn cho doanh nghiệp.

II. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: Viet Nam Medical and Pharmaceutical Investment Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VMPI., JSC
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số / Mã số thuế: 0101178800
- Vốn điều lệ: **1.125.001.710.000 đồng**
(*Bằng chữ: Một nghìn một trăm hai mươi lăm tỷ một triệu bảy trăm mười nghìn đồng*).
- Website: www.vmpi.vn
- ❖ **Trụ sở chính:**
 - Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành, P. Láng, TP. Hà Nội.
 - Số điện thoại: 024.3683.0516
- ❖ **Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh:**
 - Địa chỉ: Số 218 Trần Hưng Đạo, P. Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh.
 - Số điện thoại: 028.3920.7283 & 028.3920.7184

2. Lịch sử hình thành và phát triển

| Năm | Sự kiện |
|------|--|
| 2001 | Thành lập Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật |
| 2004 | Thành lập VPĐD - Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại TP. Hồ Chí Minh |
| 2006 | Thành lập Công ty TNHH Kyoto Medical Science (chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật) |
| 2010 | Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành: Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật |
| 2011 | Niêm yết toàn bộ 24.200.000 cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| 2011 | Tăng vốn điều lệ từ 224.000.000.000 đồng lên 322.000.000.000 đồng |
| 2012 | Tăng vốn điều lệ từ 322.000.000.000 đồng lên 354.199.990.000 đồng |
| 2013 | Tăng vốn điều lệ từ 354.199.990.000 đồng lên 568.185.300.000 đồng |
| 2014 | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 10% và phát hành riêng lẻ, tăng vốn từ 568.185.300.000 đồng lên 1.125.001.710.000 đồng |
| 2017 | Thành lập Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật |
| 2017 | Chuyển trụ sở chính về Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội |
| 2018 | Thay đổi địa chỉ Công ty về Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội |
| 2021 | Thay đổi tên Công ty thành: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật |

| | |
|------|---|
| 2025 | Cập nhật địa chỉ Công ty theo địa giới hành chính thành: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội. |
| 2025 | Thay đổi tên Công ty thành: Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam (tên gọi tắt: VMPI) |
| 2025 | Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Dược phẩm Việt Nam (Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam) |

3. Thông tin cổ phần và cổ đông

- Mã chứng khoán: JVC
- Được niêm yết ngày **21/06/2011** trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE)
- Năm tài chính kết thúc ngày: 31/12
- Đơn vị Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn UHY;
- Tổng khối lượng cổ phiếu đã phát hành và niêm yết: **112.500.171** cổ phiếu
Trong đó số lượng cổ phiếu phổ thông: **112.500.171** cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cp)
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 112.500.171 cổ phiếu
- Vốn hóa tại ngày 31/12/2025: **685,13 tỷ đồng**
(Giá cổ phiếu tại ngày 31/12/2025: 6.090 đồng/cp)
- Giá cao nhất giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 9.100 đồng
- Giá thấp nhất giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 3.650 đồng
- Cơ cấu cổ đông: Căn cứ theo danh sách của VSDC lập và chốt tại ngày **02/10/2025**:

| TT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------|------------------|------------------|----------------|--------------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Cổ đông sáng lập/FDI | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Trong nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Cổ đông lớn (*) | 17.000.000 | 15,11 | 1 | 1 | 0 |
| | - Trong nước | 17.000.000 | 15,11 | 1 | 1 | 0 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Công đoàn Công ty | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Trong nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Cổ đông sở hữu CP ưu đãi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Cổ đông khác | 95.500.171 | 84,91 | 6.139 | 29 | 6.110 |
| | - Trong nước | 93.299.537 | 82,95 | 6.064 | 17 | 6.047 |
| | - Nước ngoài | 2.200.634 | 1,96 | 75 | 12 | 63 |
| TỔNG CỘNG | | 112.500.171 | 100 | 6.140 | 30 | 6.110 |
| Trong đó: - Trong nước | | 110.299.537 | 98,04 | 6.065 | 18 | 6.047 |
| - Nước ngoài | | 2.200.634 | 1,96 | 75 | 12 | 63 |

- Danh sách Cổ đông lớn:

| STT | Mã CK | Cá nhân / Tổ chức | Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ |
|-----|-------|--|------------------------|
| 1 | JVC | Công ty cổ phần Quản lý và Đầu tư DTN Việt Nam | 15,11% |

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Công ty đạt mức **50%** trong năm 2025.
- Thông tin liên lạc của bộ phận phụ trách Quan hệ cổ đông:
 - Email: phapche@vmpi.vn
 - Website Quan hệ cổ đông: <https://vmpi.vn/danh-muc-tin/thong-bao-co-dong-33>

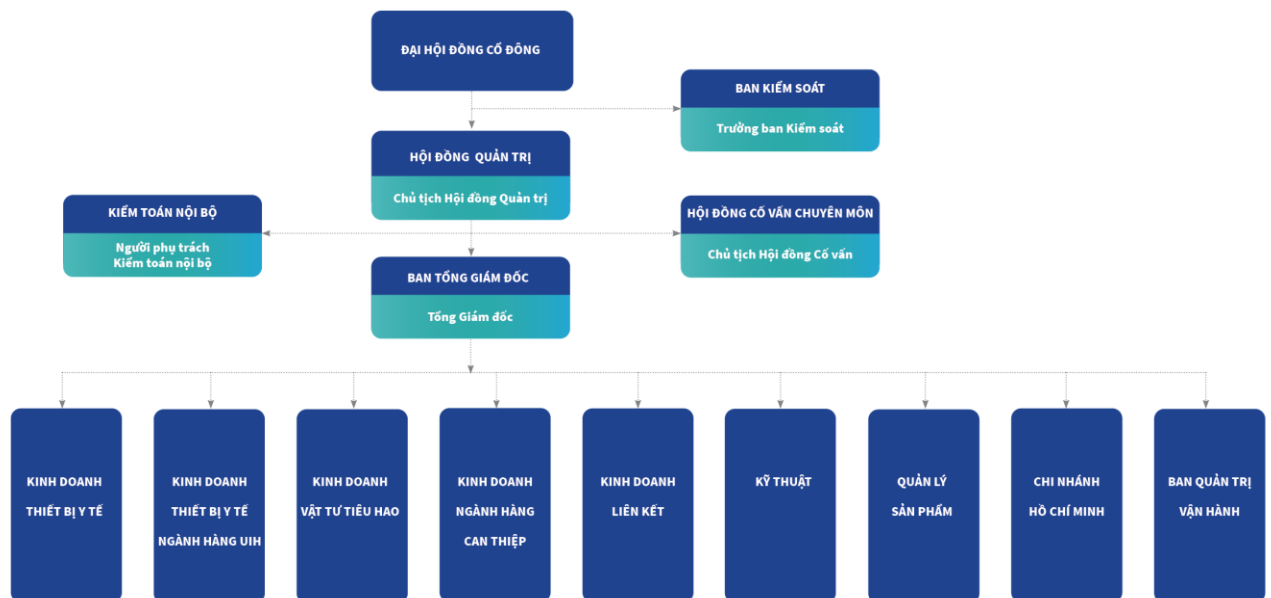
4. Cơ cấu tổ chức và quản lý

4.1. Mô hình hoạt động và sơ đồ tổ chức:

❖ Mô hình hoạt động:

Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025.

❖ Sơ đồ tổ chức:



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | | | | | |
|--------------------------|-----|-------------------------|--------------------|------------------|-----------------|--|
| Họ tên | GT | Chức vụ | Thời điểm được bầu | Trình độ | Chuyên môn | Chức vụ tại tổ chức khác |
| Vũ Khánh Din | Nam | Chủ tịch HĐQT | 21/04/2025 | Luật sư, Thạc sĩ | Luật | Tổng Giám đốc - CTCP Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật; Giám đốc - Công ty Luật TNHH ZNA |
| Phạm Thanh Nam | Nam | Phó Chủ tịch HĐQT | 10/12/2021 | Cử nhân | QTKD | Chủ tịch HĐQT - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Dược phẩm Việt Nam |
| Nguyễn Thị Phương | Nam | Thành viên HĐQT | 10/12/2021 | Tiến sĩ | Triết học | Chủ tịch HĐQT - CTCP Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật; Phó TGD - CTCP Carpla |
| Nguyễn Thị Hạnh | Nữ | Thành viên HĐQT | 10/12/2021 | Thạc sĩ | Dược sĩ | Người đại diện PL - CTCP ĐT và Dược phẩm Trung Dũng |
| Nguyễn Văn Chi | Nam | Thành viên HĐQT độc lập | 13/06/2025 | PGS.TS | Hội sức cấp cứu | Không có |
| Lê Tuấn | Nam | Thành viên HĐQT độc lập | 03/11/2025 | Thạc sĩ | QTKD | Tổng Giám đốc - CTCP EPAdvisory; TV HĐQT - CTCP Địa ốc First Real |

| BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | | | | | | |
|--------------------------|-----|---------------|--------------------|----------|------------|--------------------------|
| Họ và tên | GT | Chức vụ | Thời điểm bổ nhiệm | Trình độ | Chuyên môn | Chức vụ tại tổ chức khác |
| Vũ Văn Toàn | Nam | Tổng Giám đốc | 21/04/2025 | Thạc sĩ | QTKD | Không có |

| KẾ TOÁN TRƯỞNG & GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH | | | | | | |
|--|-----|------------------------------|--------------------|----------|---------------------|--|
| Họ và tên | GT | Chức vụ | Thời điểm bổ nhiệm | Trình độ | Chuyên môn | Chức vụ tại tổ chức khác |
| Nguyễn Ngọc Cương | Nam | Kế toán trưởng - Giám đốc TC | 01/08/2024 | Thạc sĩ | Tài chính ngân hàng | Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Dược phẩm Việt Nam (miễn nhiệm ngày 09/12/2025) |

| BAN KIỂM SOÁT | | | | | | |
|----------------------|-----|----------------|--------------------|----------|-----------------|---|
| Họ và tên | GT | Chức vụ | Thời điểm được bầu | Trình độ | Chuyên môn | Chức vụ tại tổ chức khác |
| Đỗ Đức Hiệp | Nam | Trưởng BKS | 21/04/2025 | Kỹ sư | Kỹ thuật cơ khí | Không có |
| Đặng Thị Hà Giang | Nữ | Thành viên BKS | 10/12/2021 | Cử nhân | Kinh tế | Không có |
| Nguyễn Vũ Ý Tân | Nữ | Thành viên BKS | 21/04/2025 | Cử nhân | Luật | Thành viên BKS – CTCP Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật |

4.3. Những thay đổi trong Bộ máy quản lý

❖ Hội đồng quản trị:

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ (TVHĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) | Biến động nhân sự | |
|----|-----------------------|--|-------------------|-----------------|
| | | | Ngày được bầu | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Nguyễn Hải Hà | Chủ tịch HĐQT | 19/05/2023 | 21/04/2025 |
| 2 | Ông Vũ Khánh Din | Chủ tịch HĐQT | 21/04/2025 | |
| 3 | Ông Phạm Thanh Nam | Phó Chủ tịch HĐQT | 10/12/2021 | |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Hạnh | TVHĐQT không điều hành | 10/12/2021 | |
| 5 | Ông Nguyễn Thi Phương | TVHĐQT không điều hành | 10/12/2021 | |
| 6 | Ông Nguyễn Văn Chi | TVHĐQT độc lập | 13/06/2024 | |
| 7 | Ông Lê Tuấn | TVHĐQT độc lập | 03/11/2025 | |

❖ Ban Kiểm soát:

| TT | Thành viên BKS | Chức vụ | Biến động nhân sự | |
|----|------------------------|----------------|-------------------|-----------------|
| | | | Ngày được bầu | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Nguyễn Văn Vỹ | Trưởng BKS | 10/12/2021 | 21/04/2025 |
| 2 | Ông Đỗ Đức Hiệp | Trưởng BKS | 21/04/2025 | |
| 3 | Bà Đặng Thị Hà Giang | Thành viên BKS | 10/12/2021 | |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Tiến Chi | Thành viên BKS | 10/12/2021 | 21/04/2025 |
| 5 | Bà Nguyễn Vũ Ý Tân | Thành viên BKS | 21/04/2025 | |

❖ Ban Tổng Giám đốc:

| TT | Thành viên BTGD | Chức vụ | Biến động nhân sự | |
|----|-----------------------|--------------------|-------------------|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Phạm Thanh Nam | Tổng Giám đốc | 23/02/2023 | 21/04/2025 |
| 2 | Ông Vũ Văn Toàn | Tổng Giám đốc | 21/04/2025 | |
| 4 | Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa | Phó Tổng Giám đốc | 29/04/2022 | 01/04/2025 |
| 5 | Ông Nguyễn Ngọc Cương | KTT – GD Tài chính | 01/08/2024 | |

5. Định hướng phát triển của Công ty

5.1. Các mục tiêu chủ yếu

Trong bối cảnh thị trường y tế tiếp tục có nhiều khó khăn, cạnh tranh gay gắt và chịu tác động lớn từ cơ chế, chính sách quản lý nhà nước, Ban Điều hành Công ty xác định tập trung nguồn lực vào các nhóm sản phẩm cốt lõi gồm vật tư y tế và thiết bị y tế giá trị cao. Trong đó, Công ty định hướng đẩy mạnh triển khai các sản phẩm, giải pháp y tế ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), góp phần nâng cao hiệu quả chẩn đoán, điều trị cho người bệnh và bắt kịp xu thế phát triển chung của ngành y tế trên thế giới.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục mở rộng kinh doanh đối với vật tư y tế kỹ thuật cao, đặc biệt trong lĩnh vực can thiệp tim mạch, đồng thời thúc đẩy phát triển mảng dược phẩm nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm, mở rộng nguồn doanh thu và gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong trung và dài hạn, bên cạnh việc duy trì hiệu quả các ngành hàng phân phối truyền thống, Ban Điều hành định hướng phát triển Công ty theo hướng mở rộng hợp tác với các nhà cung cấp, hãng sản xuất hàng đầu thế giới trong lĩnh vực y tế, đặc biệt là lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh và các thiết bị, giải pháp công nghệ cao. Công ty sẽ tiếp tục chủ động tiếp cận các đối tác mới, đa dạng hóa danh mục sản phẩm, nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ cung cấp ra thị trường, qua đó củng cố vị thế trong lĩnh vực thiết bị y tế, vật tư y tế và từng bước mở rộng chiều sâu sang lĩnh vực dược phẩm. Định hướng này phù hợp với chiến lược đổi tên và tái định vị doanh nghiệp, hướng tới mô hình phát triển toàn diện.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

Công ty định hướng phát triển bền vững trên cơ sở hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng, hiệu quả kinh doanh và an toàn tài chính. Theo đó, Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ chi phí, công nợ, dòng tiền và hiệu quả sử dụng vốn; đồng thời tăng cường năng lực quản trị rủi ro trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Song song với mục tiêu kinh doanh, Công ty tiếp tục thúc đẩy xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng OKRs và văn hóa 3T, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo nội bộ, phát huy tinh thần chủ động, tốc độ, hiệu quả và lấy khách hàng làm trọng tâm. Trên nền tảng đó, Công ty hướng tới việc tạo lập giá trị dài hạn cho cổ đông, đối tác, khách hàng và người lao động, đồng thời nâng cao uy tín, thương hiệu và năng lực cạnh tranh bền vững trong ngành y tế.

6. Các rủi ro có thể phát sinh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

❖ Rủi ro cạnh tranh:

Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đều có mức độ cạnh tranh cao do có nhiều nhà cung cấp và đơn vị cùng tham gia thị trường, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng sản phẩm, giá cả, dịch vụ kỹ thuật và tiến độ triển khai. Để kiểm soát rủi ro này, Ban Điều hành thường xuyên chỉ đạo cập nhật thông tin thị trường, theo dõi xu hướng cạnh tranh, đồng thời duy trì và phát triển quan hệ hợp tác chiến lược với các nhà cung cấp nhằm tăng cường khả năng chia sẻ nguồn lực, thông tin và nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty.

❖ Rủi ro công nghệ:

Lĩnh vực thiết bị y tế là lĩnh vực có tốc độ đổi mới công nghệ nhanh, đòi hỏi doanh nghiệp phải liên tục cập nhật sản phẩm, giải pháp và xu hướng kỹ thuật mới để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và yêu cầu chuyên môn ngày càng cao của thị trường. Trước rủi ro này, Ban Điều hành thường xuyên làm việc với các nhà cung cấp để đề xuất nghiên cứu, phát triển và đưa các công nghệ, sản phẩm mới vào thị trường Việt Nam, qua đó giúp Công ty duy trì khả năng thích ứng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

❖ Rủi ro pháp lý:

Lĩnh vực y tế thường chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật liên quan đến nhập khẩu, kinh doanh thiết bị y tế, dược phẩm, cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, đầu tư xã hội hóa và hoạt động đấu thầu. Việc hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách có thể thay đổi trong từng thời kỳ làm phát sinh nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Ban Điều hành đã triển khai các biện pháp nhận diện, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro pháp lý, bao gồm việc thường xuyên cập nhật, phổ biến quy định mới thông qua thư điện tử, đào tạo nội bộ; rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy trình nội bộ; xây dựng các biểu mẫu, hướng dẫn, khung hợp đồng mẫu phù hợp; đồng thời chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ pháp chế.

❖ Rủi ro địa chính trị và chuỗi cung ứng:

Các biến động địa chính trị, xung đột khu vực hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu có thể ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng, tính ổn định của nguồn cung và giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào. Đối với Công ty, rủi ro này có thể tác động trực tiếp đến việc nhập khẩu, cung ứng thiết bị, vật tư y tế, trong đó có nguy cơ làm tăng giá một số sản phẩm như film FUJI, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh và biên lợi nhuận. Để ứng phó, Công ty cần tiếp tục chủ động theo dõi sát tình hình thị trường, làm việc chặt chẽ với nhà cung cấp, xây dựng phương án dự phòng về nguồn hàng, tiến độ giao nhận và kế hoạch giá, qua đó hạn chế tác động bất lợi đến hoạt động kinh doanh.

III. SẢN PHẨM TIÊU BIỂU & ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Sản phẩm tiêu biểu

1.1. Phân phối thiết bị y tế

Công ty hiện là đơn vị phân phối các thiết bị y tế tại thị trường Việt Nam, hợp tác với nhiều hãng sản xuất quốc tế như FUJIFILM, KONICA, SAKURA (Nhật Bản) và United Imaging Healthcare (Trung Quốc). Danh mục sản phẩm bao gồm: hệ thống PET/CT toàn thân, hệ thống xạ trị, hệ thống cộng hưởng từ (MRI), hệ thống chụp cắt lớp vi tính (CT), hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA), máy siêu âm chẩn đoán, hệ thống X-quang kỹ thuật số, hệ thống X-quang nhũ ảnh kỹ thuật số, máy in phim khô y tế và thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn. Riêng đối với thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn, Công ty là đơn vị phân phối độc quyền sản phẩm của hãng Baixeng (Trung Quốc) tại Việt Nam.

1.2. Phân phối vật tư tiêu hao

Công ty là nhà phân phối chính các sản phẩm phim khô y tế của FUJIFILM và KONICA (Nhật Bản), hiện đang cung cấp rộng rãi cho phần lớn các bệnh viện trên toàn quốc. Bên cạnh đó, Công ty là đơn vị phân phối độc quyền trên phạm vi toàn quốc đối với các sản phẩm can thiệp thần kinh của hãng Terumo Neuro (Nhật Bản) và phân phối độc quyền khu vực miền Nam đối với các sản phẩm can thiệp tim mạch của hãng Microport (Trung Quốc) - các thương hiệu uy tín trong lĩnh vực can thiệp thần kinh và tim mạch trên thế giới.

1.3. Đầu tư xã hội hóa

Công ty là một trong những đơn vị đầu tiên hưởng ứng chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực Y tế thông qua mô hình kinh doanh liên kết với các bệnh viện đầu tư các trang thiết bị y tế thế mạnh như: máy cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp vi tính, máy chụp X-Quang... Mô hình hợp tác này giúp bệnh viện tiếp cận được máy móc công nghệ mới, giảm áp lực chi phí đầu tư ban đầu lớn, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đem đến lợi ích cho bệnh nhân cũng như toàn xã hội. Ngoài ra, Công ty còn tập trung đẩy mạnh các dự án liên kết máy vào đối tượng các bệnh viện, phòng khám tư nhân thuộc nhiều tỉnh thành trên cả nước.

1.4. Dịch vụ kỹ thuật

Dịch vụ kỹ thuật luôn một trong những thế mạnh nổi bật của Công ty. Với đội ngũ kỹ sư được đào tạo chính hãng bài bản, chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, Công ty luôn chủ động trong việc hỗ trợ khách hàng khi có yêu cầu 24/24. Điều này giúp thiết bị luôn hoạt động ổn định, đẩy nhanh tốc độ xử lý sự cố, giảm thiểu áp lực và chi phí phát sinh do can thiệp chậm trễ, đem lại sự tin tưởng cho khách hàng. Hiện Công ty cung cấp các dịch vụ như: tư vấn thiết kế, tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp linh kiện, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng thiết bị...

1.5. Trung tâm chẩn đoán hình ảnh

Công ty có 04 Trung tâm chẩn đoán hình ảnh đã đủ điều kiện để đi vào hoạt động và bước đầu đạt kết quả rất khả quan, hướng đến mục tiêu 30 cơ sở tại các tỉnh thành trọng điểm tại Việt Nam. Công ty kết hợp với đội ngũ bác sĩ thuộc khoa chẩn đoán hình ảnh ở các viện, KOLs nhằm mục tiêu tiếp cận rộng rãi với khách hàng.

1.6. Ngành hàng can thiệp

Năm 2024, Công ty đã chính thức triển khai ngành hàng mới là ngành hàng can thiệp. Công ty hiện là nhà phân phối chính thức của Terumo Neuro trên toàn lãnh thổ Việt Nam, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự hợp tác lâu dài với thương hiệu uy tín này. Với hơn 15 năm hiện diện trên thị trường Việt Nam, Terumo Neuro đã trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực can thiệp thần kinh, chuyên cung cấp giải pháp tiên tiến trong can thiệp điều trị đột quy, phình mạch và dị dạng mạch não.

- Lịch sử và uy tín: Sản phẩm của Terumo Neuro, thuộc quyền sở hữu của Microvention (Mỹ và Pháp) chủ quản bởi Terumo (Nhật Bản)- một tập đoàn toàn cầu với hơn 120 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe.
- Chất lượng vượt trội: Được các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực can thiệp thần kinh công nhận, Terumo Neuro luôn nằm trong top các thương hiệu hàng đầu thế giới về chất lượng và dải sản phẩm đa dạng.
- Đào tạo chuyên sâu: Công ty chú trọng vào việc cập nhật kiến thức và đào tạo chuyên môn thông qua các sự kiện khoa học, hội nghị trong nước và quốc tế.
- Cung ứng ổn định: Với lịch sử cung cấp hàng hóa liên tục, Terumo Neuro đảm bảo nguồn cung ứng ổn định, ngay cả trong các giai đoạn khó khăn như dịch bệnh hay khủng hoảng kinh tế.
- Chiến lược tập trung vào bệnh nhân: Chúng tôi cam kết đặt bệnh nhân lên hàng đầu, phối hợp với các đơn vị chuyên môn và truyền thông để nâng cao nhận thức cộng đồng, từ đó góp phần cứu sống bệnh nhân mắc bệnh lý thần kinh nguy hiểm, đặc biệt là trong “6 giờ vàng” đối với đột quy.

Trong năm 2025, Công ty cũng mở thêm ngành hàng can thiệp tim mạch tại chi nhánh Hồ Chí Minh thông qua việc ký kết Thỏa thuận phân phối với MicroPort, qua đó từng bước mở rộng danh mục sản phẩm kỹ thuật cao và tăng cường hiện diện tại thị trường trọng điểm.

2. Địa bàn kinh doanh

Công ty phân phối hàng hóa và cung cấp dịch vụ chủ yếu tại các bệnh viện và cơ sở y tế trên nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước. Tệp khách hàng của Công ty đa dạng, bao gồm các bệnh viện hàng đầu, bệnh viện công lập, bệnh viện tư nhân và khách hàng tại nhiều vùng, miền khác nhau. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty mở rộng thị trường, nâng cao độ phủ khách hàng và phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng ổn định, bền vững.

IV. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Tổng quan hoạt động kinh doanh Công ty

1.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

❖ Tình hình tổng quan:

| | |
|--------------------------------|--|
| Doanh thu thuần 2025 | 763 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 63,5% so với kế hoạch của ĐHCĐ thường niên 2025 |
| Lợi nhuận sau thuế 2025 | 49,9 tỷ đồng |

❖ So sánh kết quả đạt được trong năm 2025 so với các năm liền kề:

DVT: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | Tăng / Giảm (%) |
|-----|--------------------|----------|----------|----------|-----------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 576,3 | 611,5 | 763 | 125% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 52,6 | 40,3 | 49,9 | 124% |

❖ So sánh kết quả đạt được trong năm so với kế hoạch đề ra tại ĐHCĐ TN 2025:

DVT: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu | Số thực hiện | Số kế hoạch | % so với kế hoạch |
|-----|--------------------|--------------|-------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 763 | 1.200 | 63,5% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 49,9 | 100 | 49,9% |

❖ Đánh giá tổng quan tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025:

Năm 2025, mặc dù thị trường thiết bị y tế tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, cạnh tranh cao và chịu ảnh hưởng đáng kể từ cơ chế, chính sách cũng như tiến độ giải ngân, Công ty vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực so với năm 2024. Cụ thể, doanh thu thuần tăng khoảng 151,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 9,6 tỷ đồng. Tuy rằng Công ty chưa đạt được kế hoạch ĐHCĐ thường niên 2025 thông qua, nhưng kết quả này vẫn cho thấy nỗ lực của Ban Điều hành trong việc tận dụng cơ hội thị trường, mở rộng hoạt động kinh doanh, đồng thời kiểm soát chi phí và duy trì hiệu quả vận hành.

❖ Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm 2024:

So với kế hoạch năm 2025, việc chưa hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu xuất phát từ một số nguyên nhân chính. Trước hết, tiến độ giải ngân tại nhiều dự án, đơn vị y tế còn chậm, làm ảnh hưởng đến thời điểm triển khai, nghiệm thu và ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó, một số dự án bị kéo giãn tiến độ và chuyển sang thực hiện trong năm sau, dẫn đến kết quả thực hiện trong năm chưa phản ánh hết khối lượng công việc đã triển khai. Ngoài ra, thị trường thiết bị y tế tiếp tục có

mức độ cạnh tranh rất cao, gây áp lực lớn lên giá bán, biên lợi nhuận và khả năng hoàn thành kế hoạch ở mức kỳ vọng. Dù vậy, xét trên cơ sở so sánh với năm 2024, Công ty vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực cả về doanh thu và lợi nhuận, cho thấy hoạt động kinh doanh vẫn được duy trì ổn định, có chuyển biến tích cực và tiếp tục tạo nền tảng cho giai đoạn tiếp theo.

1.2. Tình hình hoạt động tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | Tăng / Giảm (%) |
|-----------------------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 828.102.672.175 | 1.071.950.679.281 | 29,4% |
| Doanh thu thuần | 611.540.459.301 | 763.153.277.525 | 24,7% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 57.925.524.799 | 50.879.195.636 | -12,1% |
| Lợi nhuận khác | 939.484.090 | 10.574.840.222 | 1025,6% |
| Lợi nhuận trước thuế | 58.865.008.889 | 61.454.035.858 | 4,4% |
| Lợi nhuận sau thuế | 40.282.230.795 | 49.945.279.764 | 23,98% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,95 | 1,78 |
| Hệ số thanh toán nhanh | 1,42 | 1,44 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,348 | 0,41 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,534 | 0,71 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | 4,5 | 0,97 |
| Vòng quay các khoản phải thu | 1,734 | 0,52 |
| Vòng quay các khoản phải trả | 2,357 | 6,8 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,738 | 0,71 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 6,5% | 0,065 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,07% | 0,079 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 04,8% | 0,046 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 9% | 0,066 |

❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

| TT | Hình thức đầu tư | Loại hình đầu tư | Đơn vị đầu tư | Tình hình thực hiện |
|----|-----------------------|-----------------------------|--|---|
| 1 | Kinh doanh phòng khám | Phòng khám chuyên khoa CĐHA | Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật (Công ty con của VMPI) | Được cấp phép và chính thức đi vào hoạt động tại TP. Vinh (Nghệ An) từ ngày 26/09/2025 |
| 2 | Kinh doanh liên kết | Đầu tư liên kết | Bệnh viện đa khoa Hưng Thịnh (Lào Cai) | Hệ thống MRI 1.5 Tesla Fujifilm (Model: EchelonSmart) đã hoạt động và ghi nhận doanh thu từ tháng 10/2025 |

2. Tình hình hoạt động các Công ty con, Công ty liên kết

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có **03** công ty con với thông tin chi tiết như sau:

| TT | Công ty con | Địa chỉ | Tỉ lệ quyền kiểm soát | Tỉ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|----|---|---|-----------------------|------------------------|----------------------------|
| 1 | Công ty TNHH Kyoto Medical Science (KMS) | Toà nhà Icon4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội | 100% | 100% | Kinh doanh thiết bị y tế |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật (MIDS) | Tầng 1, Số 163 Hoàng Cầu, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội | 99% | 99% | Kinh doanh phòng khám |
| 3 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Dược phẩm Việt Nam (VPI) | Tầng 24 Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng, Hà Nội | 85,2% | 85,2% | Kinh doanh dược phẩm |

❖ Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty KMS:

Năm 2025, Công ty TNHH Kyoto Medical Science (KMS) không phát sinh doanh thu từ cung cấp hàng hóa, dịch vụ cũng như chưa có bất kỳ kế hoạch gì trong việc triển khai, ký kết các hợp đồng mới với khách hàng. Kế hoạch hoạt động của Công ty trong thời gian tới phụ thuộc và quyết định của chủ sở hữu - Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam. Hiện tại, Công ty mẹ đang có kế hoạch chấm dứt hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng tiếp theo.

❖ Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty MIDS:

MIDS được thành lập vào tháng 10/2021 với vốn điều lệ là 25 tỷ đồng, với hoạt động chủ yếu là các trung tâm chẩn đoán hình ảnh. Năm 2025, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động khám bệnh: Chụp MRI, CT; tăng cường hợp tác với các bệnh viện, phòng khám tư nhân vệ tinh; xây dựng

đội ngũ hệ thống KOLs tại các bệnh viện, phòng khám chuyên khoa; chú trọng dịch vụ chăm sóc khách hàng từng bước xây dựng thương hiệu và khẳng định vị thế trong lòng khách hàng. Doanh thu hoạt động năm 2025 là 38.184.305.488 đồng. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 472.558.639 đồng. Công ty đã hết lỗ lũy kế.

❖ **Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty VPI:**

Công ty VPI mới được thành lập từ ngày 28/11/2025 nên trong năm 2025 chưa phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh đáng kể.

❖ **Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết:**

Công ty có 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín với vốn đầu tư là 750 triệu đồng. Hiện tại, Công ty không thể thu thập được BCTC năm 2025 của Công ty này.

3. Tổ chức và Nhân sự

Đơn vị: Người

| STT | Tiêu chí | Năm 2024 | Năm 2025 |
|------------------|--|------------|------------|
| I | Theo trình độ lao động | | |
| 1 | Trình độ Đại học và trên Đại học | 82 | 81 |
| 2 | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 26 | 24 |
| 3 | Lao động phổ thông | 6 | 5 |
| II | Theo giới tính | | |
| 1 | Nam | 73 | 68 |
| 2 | Nữ | 41 | 42 |
| Tổng cộng | | 114 | 110 |

❖ **Chính sách tuyển dụng:**

Công ty luôn coi trọng và đánh giá cao năng lực, giá trị đóng góp của từng người lao động, đồng thời khuyến khích và chào đón những ứng viên có mong muốn gắn bó lâu dài với Công ty, sở hữu kiến thức, năng lực chuyên môn vững vàng và tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Nhằm thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, Công ty xây dựng và áp dụng chính sách tiền lương, thưởng minh bạch, hợp lý, gắn với hiệu quả công việc, đặc biệt ghi nhận và đãi ngộ xứng đáng đối với các cá nhân có thành tích nổi bật và đóng góp quan trọng cho sự phát triển của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về lao động, bảo đảm thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn về thời giờ làm việc, cũng như thực hiện hoạt động tuyển dụng trên cơ sở phù hợp với nhu cầu công việc và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

❖ **Chính sách đào tạo người lao động:**

CBNV phụ trách tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

- ❖ **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

Công ty luôn bảo đảm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, bao gồm các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, cũng như tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho toàn thể CBNV. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng phúc lợi và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, Công ty còn triển khai chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện PTI Care cho toàn bộ CBNV.

Hằng năm, Công ty thực hiện các chương trình khen thưởng và phúc lợi nhân sự vào các dịp lễ, Tết; đồng thời tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát nhằm tăng cường sự gắn kết và nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Công ty cũng áp dụng cơ chế khen thưởng đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác.

Ngoài ra, các chế độ phúc lợi khác đối với người lao động đều được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Lao động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
- ❖ **Chính sách lương thưởng:**

Mức lương trung bình của người lao động trong năm 2025 là **10.340.000 đồng**.

Công ty luôn đảm bảo tính công bằng, tuân thủ pháp luật đối với cơ chế chi trả lương thưởng cho người lao động.

4. Báo cáo tác động của Công ty liên quan đến môi trường và xã hội

- ❖ **Tiêu thụ năng lượng và nước:**

Mặc dù đặc thù hoạt động của doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong quá trình vận hành, Công ty vẫn nhận thức rõ tầm quan trọng của hai nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với sự phát triển bền vững và nhu cầu chung của xã hội. Trên cơ sở đó, Công ty luôn chú trọng kiểm soát việc sử dụng điện, nước một cách hợp lý và tiết kiệm, đồng thời từng bước xây dựng văn hóa nội bộ hướng tới môi trường làm việc xanh, sạch và thân thiện với môi trường.

Công ty đã triển khai chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn hệ thống và thường xuyên phổ biến đến toàn thể CBNV nhằm nâng cao ý thức sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bao gồm các biện pháp như: tắt các thiết bị điện khi không sử dụng; hạn chế mở cửa ra vào hoặc cửa thông gió khi đang sử dụng điều hòa; sử dụng nước hợp lý và tắt nguồn nước ngay sau khi sử dụng.

Trong năm 2026, Công ty sẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của từng CBNV trong việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, góp phần xây dựng môi trường làm việc bền vững và có trách nhiệm với xã hội.
- ❖ **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật liên quan đến phát triển bền vững, đặc biệt là các quy định về bảo vệ môi trường, sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động trong quá trình hoạt động kinh doanh. Bên cạnh việc bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý, Công ty cũng chú trọng hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh doanh với trách nhiệm bảo vệ

môi trường thông qua việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng và tài nguyên nước trong hoạt động vận hành. Đồng thời, Công ty chủ động triển khai và duy trì các biện pháp quản lý phù hợp nhằm bảo đảm việc thực hiện các chính sách và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường một cách hiệu quả và bền vững.

❖ **Hoạt động trách nhiệm vì xã hội và cộng đồng:**

Năm 2025, Công ty tiếp tục khẳng định vai trò và trách nhiệm đối với người lao động và xã hội thông qua việc duy trì việc làm ổn định, đảm bảo thu nhập và các chế độ phúc lợi cho cán bộ nhân viên. Đây là nền tảng quan trọng góp phần tạo dựng môi trường làm việc bền vững, đồng thời nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động chung của doanh nghiệp.

Song song với đó, Công ty tích cực đóng góp vào sự phát triển của ngành kinh doanh thiết bị, vật tư và dịch vụ y tế, qua đó gián tiếp nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, cải thiện chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Đặc biệt, phát huy tinh thần tương thân tương ái, trong năm 2025, toàn thể cán bộ nhân viên VMPI đã đóng góp một ngày lương cơ bản để hỗ trợ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Hoạt động này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp mà còn lan tỏa giá trị nhân văn, tinh thần đoàn kết và sẻ chia.

Ngoài ra trong năm 2025, Công ty tích cực thúc đẩy các hoạt động chuyên môn thông qua việc tổ chức, tham dự và tài trợ cho nhiều hội nghị, hội thảo chuyên ngành, bao gồm:

- Hội Điện quang và Y học hạt nhân Việt Nam (VSRNM)
- Hội nghị Hiệp hội Bệnh viện tư nhân Việt Nam
- Hội nghị Khoa học Điện quang Can thiệp SCVIR
- Hội nghị toàn quốc về Trang thiết bị y tế
- Hội nghị Câu lạc bộ Giám đốc Bệnh viện các tỉnh phía Bắc
- Hội nghị Siêu âm toàn quốc (VSUM)

V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh

Trong năm, Công ty tiếp tục duy trì và phát huy thế mạnh ở các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, bao gồm thiết bị y tế, vật tư tiêu hao chẩn đoán hình ảnh, vật tư can thiệp tim/mạch não, hoạt động liên doanh liên kết và dịch vụ kỹ thuật. Trên cơ sở nền tảng đó, Công ty đồng thời đẩy mạnh tìm kiếm, lựa chọn và phát triển các sản phẩm, ngành hàng mới có tiềm năng thị trường, hiệu quả kinh doanh và khả năng tăng trưởng tốt, phù hợp với định hướng mở rộng hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn tiếp theo.

Cụ thể cơ cấu doanh thu thuần các mảng kinh doanh như sau:

Đơn vị tiền tệ: Tỷ đồng

| TT | Lĩnh vực | Năm | | % thành phần | | Tăng / giảm (%) |
|------------------|--------------------------------------|--------------|------------|--------------|-------------|-----------------|
| | | 2024 | 2025 | 2024 | 2025 | |
| 1 | Doanh thu bán hàng hóa | 493,2 | 674,4 | 81% | 89% | 36,7% |
| 2 | Doanh thu hoạt động đầu tư, liên kết | 67,7 | 29 | 11% | 4% | -57% |
| 3 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 50,6 | 59,6 | 8% | 7% | -11,9% |
| TỔNG CỘNG | | 611,3 | 763 | 100% | 100% | 21,4% |

HĐQT đánh giá năm 2025 cơ cấu doanh thu của Công ty tiếp tục chuyển dịch theo hướng tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là bán hàng hóa, với doanh thu đạt **674,4 tỷ đồng**, tăng 36,7% so với năm 2024 và chiếm 89% tổng doanh thu. Đây là động lực tăng trưởng chính, góp phần đưa tổng doanh thu thuần đạt 763 tỷ đồng, tăng 21,4% so với năm trước. Trong khi đó, doanh thu từ hoạt động đầu tư, liên kết giảm còn 29 tỷ đồng, làm tỷ trọng giảm từ 11% xuống 4%; doanh thu cung cấp dịch vụ đạt 59,6 tỷ đồng, tỷ trọng giảm nhẹ từ 8% xuống 7%. Nhìn chung, HĐQT nhận định: cơ cấu doanh thu năm 2025 phản ánh xu hướng tập trung rõ hơn vào các mảng kinh doanh chủ lực, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục phát triển các mảng dịch vụ và hợp tác đầu tư để bảo đảm tăng trưởng cân bằng và bền vững hơn trong các năm tiếp theo.

1.2. Đánh giá tình hình hoạt động tài chính

Doanh thu hợp nhất của Công ty năm 2025 có sự tăng trưởng tốt so với năm 2024, tốc độ tăng trưởng đạt ~25%. Mặc dù gặp phải sự cạnh tranh giá mạnh mẽ dẫn đến biên lợi nhuận gộp 2025 thấp hơn ~ 4,7% so với năm 2024, Công ty đã tinh gọn bộ máy, tiết giảm tối đa chi phí vận hành ~12,7% so với năm trước đó, nhờ đó mà lợi nhuận trước thuế vẫn tăng trưởng 4% so với cùng kỳ.

Hệ số thanh toán ngắn hạn ~ 1.8 cho thấy khả năng thanh khoản của Công ty hoàn toàn được đảm bảo.

1.3. Đánh giá tình hình hoạt động các Công ty con, Công ty liên kết

MIDS – Công ty con chuyên về Trung tâm chẩn đoán hình ảnh tiếp tục mở rộng thêm phạm vi hoạt động tại Bắc Trung Bộ với sự hiện diện của Trung tâm CĐHA khai trương tháng 09/2025 tại TP Vinh, tỉnh Nghệ An, góp phần cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tại địa phương. Các trung tâm khác duy trì hoạt động ổn định, dịch vụ tận tâm, vừa tạo lợi nhuận cho Công ty, vừa cống hiến cho nền y tế nước nhà.

1.4. Đánh giá về Tổ chức và Nhân sự

Cơ cấu tổ chức của công ty rõ ràng, quy định cụ thể chức năng từng phòng ban. Bộ quy trình xuất nhập hàng hóa, tài chính kế toán, bảo trì bảo dưỡng... được xây dựng và thẩm định chi tiết nhằm tối ưu hóa thời gian xử lý công việc. Các nhân sự được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ lẫn đạo đức kinh doanh để phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Tại Công ty, Khách hàng trọng tâm là tôn chỉ hàng đầu được toàn thể Ban lãnh đạo và CBNV ghi nhớ và thực hiện hàng ngày, hàng giờ.

1.5. Đánh giá về trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

Công ty luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm môi trường và xã hội thông qua việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, kiểm soát chất thải y tế và ưu tiên các sản phẩm an toàn, thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, công ty tích cực đóng góp cho cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và đảm bảo quyền lợi cho người lao động, hướng tới phát triển bền vững và có trách nhiệm với xã hội.

2. Đánh giá của HĐQT đối với hoạt động của Ban TGD

2.1. HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban TGD thông qua trao đổi, thảo luận, chất vấn tại các cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến, thông qua thư điện tử, điện thoại về tình hình triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch quản trị doanh nghiệp đã được ĐHCĐ phê chuẩn và việc triển khai các nghị quyết của HĐQT.

2.2. Ban TGD đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, cơ bản hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính đã đề ra, đồng thời, đã tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế hoạt động của Công ty.

2.3. Hệ thống báo cáo tài chính quý, 06 tháng và cả năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

2.4. Hệ thống báo cáo quản trị được lập đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả quản trị.

2.5. Ban TGD đã tích cực cùng các đơn vị tư vấn pháp lý giải quyết các vấn đề pháp lý và công nợ tồn đọng: rà soát, nghiên cứu hồ sơ, liên hệ, đàm phán với các bên liên quan, cân nhắc khởi kiện nếu cần thiết. Tuy còn gặp phải nhiều khó khăn khách quan, đòi hỏi nhiều thời gian và công sức, nỗ lực của Ban TGD được HĐQT ghi nhận và đánh giá rất cao.

2.6. Ban TGD đã đề xuất kiện toàn bộ máy quản lý cho HĐQT, đồng thời, xây dựng đội ngũ nhân sự đáp ứng tốt yêu cầu kinh doanh, thực hiện tốt công tác đánh giá, đãi ngộ nhân viên công khai, minh bạch, công bằng, hợp lý, cạnh tranh.

2.7. Các thành viên Ban TGD đều sở hữu năng lực và kỹ năng quản lý cấp cao và không ngừng trau dồi, hoàn thiện thêm.

3. Phương hướng của HĐQT trong năm 2026

❖ HĐQT đặt ra kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

| | |
|--------------------------------------|-------------|
| Doanh thu thuần (hợp nhất) | 869 tỷ đồng |
| Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất) | 55 tỷ đồng |

❖ HĐQT sẽ chỉ đạo thực hiện các công việc sau:

3.1. Hướng tới trở thành đối tác tin cậy trong cung cấp vật tư thiết bị, giải pháp và dịch vụ y tế đa dạng, toàn diện cho khách hàng, lấy chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ làm nền tảng để củng cố uy tín và vị thế của Công ty trên thị trường.

3.2. Tiếp tục kiện toàn mô hình hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đồng thời rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy trình nội bộ, từng bước ứng dụng công nghệ và hướng tới tự động hóa trong quản lý, vận hành và hoạch định nguồn lực.

3.3. Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng cho đội ngũ nhân sự; đồng thời quan tâm bảo đảm việc làm, ổn định thu nhập, cải thiện đời sống người lao động và tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp ngày càng rõ nét, chuyên nghiệp và gắn kết.

3.4. Tập trung xử lý dứt điểm các tồn tại liên quan đến tài chính, công nợ và pháp lý, qua đó củng cố nền tảng quản trị, nâng cao tính an toàn tài chính và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

VI. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025

Năm 2025, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên VMPI đã nỗ lực triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Trong bối cảnh thị trường thiết bị y tế còn nhiều khó khăn, Công ty vẫn duy trì được tăng trưởng so với năm 2024. Kết quả này chủ yếu đến từ việc tiếp tục phát huy các mảng kinh doanh cốt lõi, đặc biệt là thiết bị y tế, vật tư tiêu hao chẩn đoán hình ảnh và từng bước mở rộng các ngành hàng kỹ thuật cao như can thiệp thần kinh.

Tuy nhiên, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch năm do ảnh hưởng của tiến độ giải ngân chậm, một số dự án kéo dài sang năm sau, áp lực cạnh tranh gay gắt trên thị trường và tác động từ phía nhà cung cấp. Ban TGD nhận thức trách nhiệm trong việc chưa hoàn thành kế hoạch, đồng thời nghiêm túc rút kinh nghiệm và tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dự báo, điều hành và tổ chức thực hiện. Dù vậy, những kết quả tăng trưởng đạt được trong năm 2025 vẫn cho thấy nỗ lực đáng ghi nhận của Công ty trong việc củng cố vị thế thị trường, nâng cao hiệu quả vận hành và tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

2. Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2025

2.1. Tình hình tài sản

| TT | Chỉ tiêu | Giá trị / Tỷ lệ |
|----|--|-----------------|
| 1 | Tổng tài sản năm 2025 | 1.071 tỷ đồng |
| 2 | Tài sản ngắn hạn | 737 tỷ đồng |
| | Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 68,8 % |
| 3 | Tài sản dài hạn | 334 tỷ đồng |
| | Tỷ trọng tài sản dài hạn/Tổng tài sản | 31,2 % |
| 4 | Mức tăng/giảm Tổng tài sản so với năm 2024 | 29,4 % |
| 5 | Mức tăng/giảm Tài sản ngắn hạn so với năm 2024 | 31,2 % |
| 6 | Mức tăng/giảm Tài sản dài hạn so với năm 2024 | 25,7 % |

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Tổng Nợ phải trả tại 31/12/2025 là: **445 tỷ đồng** trong đó nợ ngắn hạn là: 413 tỷ đồng chiếm 93%. Tổng nợ phải trả, Nợ dài hạn là: **32 tỷ đồng** chiếm 7% Tổng nợ phải trả; trong khi tỷ lệ này là ~100% và tại 01/01/2025.
- Tại 31/12/2025, Tổng nợ phải trả người bán là: **83,6 tỷ đồng**, dư nợ phải trả quá hạn: 0 tỷ đồng. Chi phí lãi vay năm 2025 là: **14,6 tỷ đồng**, tăng 170% so với năm 2024.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy điều hành theo hướng cơ cấu lại, chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả quản trị. Tính đến ngày 31/12/2025, Ban Điều hành của Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc, 01 Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng, cùng sự tham gia, phụ trách trực tiếp của các thành viên HĐQT đối với các mảng hoạt động trọng yếu như phát triển các Trung tâm chẩn đoán hình ảnh, đầu tư nước ngoài, kinh doanh, dự án phối hợp với các Bệnh viện tuyến TW và phát triển thị trường.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Kế hoạch nhân sự

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục kiện toàn nhân sự theo hướng chuyên môn hóa, bao gồm việc triển khai đội ngũ kinh doanh riêng cho dòng sản phẩm của United Imaging Healthcare (Trung Quốc), tăng cường nhân sự Sales thiết bị y tế, mở rộng lực lượng Sales tại chi nhánh Hồ Chí Minh và xây dựng nhóm can thiệp tim mạch tại miền Nam. Định hướng này nhằm nâng cao năng lực bán hàng, mở rộng độ phủ thị trường và hỗ trợ hiệu quả cho chiến lược phát triển các ngành hàng trọng điểm của Công ty.

4.2. Kế hoạch kinh doanh

Trong thời gian tới, Công ty tập trung vào vật tư y tế, thiết bị y tế giá trị cao, các giải pháp y tế ứng dụng AI, vật tư kỹ thuật cao trong lĩnh vực can thiệp tim mạch và mảng dược phẩm. Đồng thời, Công ty tiếp tục duy trì hiệu quả các ngành hàng truyền thống, mở rộng hợp tác với các nhà cung cấp hàng đầu thế giới trong lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh và thiết bị y tế công nghệ cao.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

VMPI hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại, không trực tiếp sản xuất nên mức độ ảnh hưởng đến môi trường ở mức hạn chế. Trong năm 2025, Công ty tập trung kiểm soát việc sử dụng năng lượng và giảm thiểu phát sinh chất thải trong hoạt động thường ngày. Đồng thời, các chương trình truyền thông nội bộ được triển khai nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, thông qua việc khuyến khích sử dụng vật dụng cá nhân, tối ưu hóa hợp trực tuyến và tận dụng hiệu quả các công cụ công nghệ.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty ưu tiên xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thông qua việc đẩy mạnh các chương trình đào tạo, phát triển năng lực và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện tốt việc triển khai các hoạt động hướng đến cộng đồng, thể hiện cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương.

VII. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Báo cáo quản trị công ty

1.1. Hội đồng quản trị (giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

| STT | Họ Tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|-----------------------|-------------------------------|------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Hải Hà | Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm) | 0 |
| 2 | Ông Vũ Khánh Din | Chủ tịch HĐQT | 0,00133 |
| 3 | Ông Phạm Thanh Nam | Phó Chủ tịch HĐQT | 0 |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Hạnh | TVHĐQT không điều hành | 0 |
| 5 | Ông Nguyễn Thi Phương | TVHĐQT không điều hành | 0 |
| 6 | Ông Nguyễn Văn Chi | TVHĐQT độc lập | 0 |
| 7 | Ông Lê Tuấn | TVHĐQT độc lập | 0 |

❖ Cuộc họp HĐQT (giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025):

| TT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|----|-----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Hải Hà | 05/21 | 23,8% | Miễn nhiệm từ ngày 21/04/2025 |
| 2 | Ông Vũ Khánh Din | 16/21 | 76,2% | Được bầu từ ngày 21/04/2025 |
| 3 | Ông Phạm Thanh Nam | 21/21 | 100% | |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Hạnh | 21/21 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Thi Phương | 21/21 | 100% | |
| 6 | Ông Nguyễn Văn Chi | 21/21 | 100% | |
| 7 | Ông Lê Tuấn | 03/21 | 14,3% | Được bầu từ ngày 03/11/2025 |

❖ Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT:

Kiểm toán nội bộ đã và đang thực hiện nhiệm vụ theo đúng Nghị định 05/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ.

❖ Tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2025 (giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025):

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----|------------------------|------------|--|-----------------|
| 1 | 0201/2025/NQ-HĐQT-JVC | 02/01/2025 | Thông qua các giao dịch với Người có liên quan năm 2025 | 100% |
| 2 | 0301/2025/NQ-HĐQT-JVC | 03/01/2025 | Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng MB Bank | 100% |
| 3 | 1501/2025/NQ-HĐQT-JVC | 15/01/2025 | Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng VP Bank | 100% |
| 4 | 1602/2025/NQ-HĐQT-JVC | 16/02/2025 | Triệu tập họp ĐHĐCĐ Thường niên 2025 | 100% |
| 5 | 2603/2025/NQ-HĐQT-JVC | 26/03/2025 | Thông qua việc xử lý khoản nợ không có khả năng thu hồi | 100% |
| 6 | 2104A/2025/NQ-HĐQT-JVC | 21/04/2025 | Thông qua việc bầu Chủ tịch HĐQT | 100% |
| 7 | 2104B/2025/NQ-HĐQT-JVC | 21/04/2025 | Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật | 100% |
| 8 | 2104C/2025/NQ-HĐQT-JVC | 21/04/2025 | Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật | 100% |
| 9 | 2504/2025/NQ-HĐQT-JVC | 25/04/2025 | Phân công công việc Người đại diện pháp luật | 100% |
| 10 | 0205/2025/NQ-HĐQT-JVC | 02/05/2025 | Thông qua việc gia hạn Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc | 100% |
| 11 | 0805/2025/NQ-HĐQT-JVC | 08/05/2025 | Thông qua phương hướng hoạt động của Công ty năm 2025 | 100% |
| 12 | 0905/2025/NQ-HĐQT-JVC | 09/05/2025 | Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) | 100% |
| 13 | 3005/2025/NQ-HĐQT-JVC | 30/05/2025 | Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) | 100% |
| 14 | 1606/2025/NQ-HĐQT-JVC | 16/06/2025 | Thông qua phương án lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC | 100% |
| 15 | 2606/2025/NQ-HĐQT-JVC | 26/06/2025 | Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) | 100% |
| 16 | 0107A/2025/NQ-HĐQT-JVC | 01/07/2025 | Thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV Mỹ Đình | 100% |
| 17 | 0107B/2025/NQ-HĐQT-JVC | 01/07/2025 | Thông qua việc đầu tư hệ thống MRI lắp đặt tại BVĐK Hưng Thịnh và phương án vay vốn để đầu tư tại Ngân hàng BIDV Mỹ Đình | 100% |
| 18 | 1007A/2025/NQ-HĐQT-JVC | 10/07/2025 | Thông qua việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty | 100% |
| 19 | 1007B/2025/NQ-HĐQT-JVC | 10/07/2025 | Thông qua việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty | 100% |
| 20 | 1407/2025/NQ-HĐQT-JVC | 14/07/2025 | Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu Công ty | 100% |
| 21 | 1109/2025/NQ-HĐQT-JVC | 11/09/2025 | Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 | 100% |

| | | | | |
|----|-----------------------|------------|---|------|
| 22 | 0310/2025/NQ-HĐQT-JVC | 03/10/2025 | Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty | 100% |
| 23 | 0611/2025/NQ-HĐQT-JVC | 06/11/2025 | Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu Công ty | 100% |
| 24 | 1711/2025/NQ-HĐQT-JVC | 17/11/2025 | Thông qua hạn mức tín dụng năm 2025-2026 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong | 100% |
| 25 | 1911/2025/NQ-HĐQT-JVC | 19/11/2025 | Thông qua chủ trương thành lập Công ty con | 100% |

❖ **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:**

HĐQT Công ty có 02 thành viên HĐQT độc lập bao gồm:

- Ông Nguyễn Văn Chi (được bầu ngày 13/06/2024)
- Ông Lê Tuấn (được bầu ngày 03/11/2025)

Các thành viên HĐQT độc lập đều đưa ra các ý kiến xác thực, có chuyên môn, thể hiện kiến thức, năng lực và kinh nghiệm của mình.

1.2. Ban Kiểm soát (giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

❖ **Danh sách thành viên BKS:**

| STT | Họ và tên | Chức danh | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|------------------------|--------------------------------|------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Vỹ | Trưởng BKS (đã miễn nhiệm) | 0 |
| 2 | Ông Đỗ Đức Hiệp | Trưởng BKS | 0 |
| 3 | Bà Đặng Thị Hà Giang | Thành viên BKS | 0 |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Tiến Chi | Thành viên BKS (đã miễn nhiệm) | 0 |
| 5 | Bà Nguyễn Vũ Ý Tân | Thành viên BKS | 0 |

❖ **Hoạt động của BKS:**

| TT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|----|------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Vỹ | 2/3 | 67% | 100% | Miễn nhiệm từ ngày 21/04/2025 |
| 2 | Bà Đặng Thị Hà Giang | 3/3 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Tiến Chi | 2/3 | 67% | 100% | Miễn nhiệm từ ngày 21/04/2025 |
| 4 | Ông Đỗ Đức Hiệp | 1/3 | 33% | 100% | Được bầu từ ngày 21/04/2025 |
| 5 | Bà Nguyễn Vũ Ý Tân | 1/3 | 33% | 100% | Được bầu từ ngày 21/04/2025 |

1.3. Các giao dịch, thù lao và lợi ích khác của HĐQT, BKS và Ban TGD:
❖ Thu nhập của Ban TGD:

Tổng Giám đốc: 1.561.500.000 đồng

Phó Tổng Giám đốc: 435.300.000 đồng

❖ Thù lao HĐQT và BKS Công ty chi trả trong năm 2025:

Công ty không chi trả thù lao cho HĐQT, BKS trong năm 2025 (ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua việc không chi trả cổ tức).

❖ Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và NCLQ của Người nội bộ: Không có.
❖ Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

| TT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với CT | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|----|--|------------------------------|--|--|---------------------------------|---|---|
| 1 | Công ty TNHH Kyoto Medical Science (KMS) | Công ty con | 0101937134, cấp ngày 22/8/2024 tại Sở KH&ĐT TP Hà Nội | Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam | | Nghị quyết số 0201/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 02/01/2025 về việc thông qua các giao dịch với NCLQ năm 2025 | VMPI không phát sinh hoạt động mua bán với KMS trong giai đoạn từ 01/01/2025 - 31/12/2025. Số dư VMPI phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2025 là: 0 VNĐ |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật (MIDS) | Công ty con | 0109772526 cấp ngày 12/10/2021 tại Sở KH và ĐT TP Hà Nội | Tầng 1, Số 163 Hoàng Cầu (Số 9, ngõ 24 Đặng Tiến Đông), P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, TP Hà Nội | 01/01/2025 - 31/12/2025 | Nghị quyết số 0201/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 02/01/2025 về việc thông qua các giao dịch với NCLQ năm 2025 | Giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, VMPI cung cấp dịch vụ cho MIDS với tổng số tiền là: 12.328.897.389 VNĐ Số dư VMPI phải thu MIDS tại 31/12/2025 là: 13.543.301.800 VNĐ Giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, VMPI sử dụng dịch vụ do MIDS cung cấp với tổng số tiền là: 5.196.079 VNĐ Số dư VMPI phải trả MIDS tại 31/12/2025 là: 5.196.079 VNĐ Giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, VMPI cho MIDS vay: 1.200.000.000 VNĐ Giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, MIDS trả VMPI tiền vay: 5.200.000.000 VNĐ Số dư VMPI phải thu MIDS tiền vay tại 31/12/2025 là: 0 VNĐ |

| TT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với CT | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|----|---|------------------------------|--|--|---------------------------------|--|--|
| 3 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Dược phẩm Việt Nam (VPI) | Công ty con | 0111298021 do Sở Tài chính TP Hà Nội cấp ngày 28/11/2025 | Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, TP. Hà Nội, Việt Nam | 01/01/2025 - 31/12/2025 | Nghị quyết số 1911/2025/NQ-HĐQT ngày 19/11/2025 về việc thông qua chủ trương thành lập Công ty con | Giai đoạn 01/01/2025 đến 31/12/2025, VMPI góp vốn vào VPI tổng số tiền là: 213.000.000.000 VNĐ Giai đoạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, VMPI không phát sinh hoạt động mua bán với VPI. Số dư công nợ phải thu, phải trả giữa VMPI và VPI tại 31/12/2025: 0 VNĐ |
| 4 | Công ty Cổ phần Tasco | Tổ chức có liên quan của NNB | 0600264117, cấp ngày 26/12/2007 tại Sở KH&ĐT TP Hà Nội | Tầng 1 và Tầng 20 Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, P. Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam | 01/01/2025 - 31/12/2025 | Nghị quyết số 0201/2025/NQ-HĐQT-VMPI ngày 02/01/2025 về việc thông qua các giao dịch với NCLQ năm 2025 | VMPI cung cấp dịch vụ cho CTCP Tasco giai đoạn 01/01/2025 – 31/12/2025 với tổng số tiền là: 101.566.080 VNĐ Số dư VMPI phải thu CTCP Tasco tại 31/12/2025 là: 59.519.040 VNĐ |

Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

| TT | Tên tổ chức/ cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|----|-----------------------|---------------------------------------|---|--|---------------------------------|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Tasco | Tổ chức có liên quan của người nội bộ | 0600264117 cấp ngày 26/12/2007 tại Sở KH&ĐT TP Hà Nội | Tầng 1 và Tầng 20 Tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, P. Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam | 01/01/2025 - 31/12/2025 | Nghị quyết số 0201/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 02/01/2025 về việc thông qua các giao dịch với NCLQ năm 2025 | VMPI cung cấp dịch vụ cho CTCP Tasco giai đoạn 01/01/2025 – 31/12/2025 với tổng số tiền là: 101.566.080 VNĐ Số dư VMPI phải thu CTCP Tasco tại 31/12/2025 là: 59.519.040 VNĐ |

| TT | Tên tổ chức/ cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|----|----------------------------|---------------------------------------|--|--|---------------------------------|---|---|
| 2 | Công ty cổ phần EPAdvisory | Tổ chức có liên quan của người nội bộ | 0108488960 cấp ngày 18/11/2022 bởi Sở KH&ĐT TP. Hà Nội | Phòng M-01, tầng M Pan Pacific Hanoi, Số 1, đường Thanh Niên, P. Ba Đình, Hà Nội | | Nghị quyết số 0201/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 02/01/2025 về việc thông qua các giao dịch với NCLQ năm 2025 | VMPI không phát sinh hoạt động mua bán với EPAdvisory trong giai đoạn từ 01/01/2025 - 31/12/2025. Số dư VMPI phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2025 là: 0 VNĐ |

2. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

2.1. Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thực hiện đầy đủ và hiệu quả chức năng quản lý, giám sát theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ.

Trong năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025), HĐQT đã tổ chức **21 cuộc họp** nhằm xem xét, thảo luận và quyết nghị các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền. Các nghị quyết của HĐQT chủ yếu tập trung vào việc định hướng chiến lược và kế hoạch kinh doanh, phương án tổ chức và quản trị doanh nghiệp, phê duyệt các giao dịch và hợp đồng với các bên có liên quan, cũng như các vấn đề khác phục vụ công tác quản trị và điều hành hoạt động của Công ty.

Toàn bộ các nghị quyết của HĐQT đều được ban hành trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, đồng thời bám sát các chủ trương và định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua..

2.2. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Ngoài những nỗ lực trong điều hành kinh doanh, Ban TGD thực hiện tốt các trách nhiệm quản trị khác, cụ thể:

- Về công tác tài chính: chấp hành tốt các quy định về tài chính kế toán, lập, trình bày, công bố BCTC;
- Về công tác kiểm soát nội bộ: tiếp tục hoàn thiện và duy trì có nề nếp việc thực hiện các quy chế, quy định, quy trình;
- Về công tác nhân sự: đề xuất và triển khai phương án tổ chức Công ty, tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động;
- Về giải quyết các vấn đề tồn đọng: Quyết liệt trong việc tiếp tục thu hồi công nợ khó đòi, giải quyết các vấn đề pháp lý.

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2025

(Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2025 của Công ty)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 9 - 10 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 11 - 47 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | | |
|-----------------------|--------------------|----------------------------|
| Ông Vũ Khánh Din | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 21/04/2025 |
| Ông Nguyễn Hải Hà | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 21/04/2025 |
| Ông Phạm Thanh Nam | Phó Chủ tịch | |
| Bà Nguyễn Thị Hạnh | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Thi Phương | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Văn Chi | Thành viên | |
| Ông Lê Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/04/2025 |
| | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 03/11/2025 |

Ban Tổng Giám đốc

| | | |
|--------------------|--------------------------------|----------------------------|
| Ông Vũ Văn Toàn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 |
| Ông Phạm Thanh Nam | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 24/04/2025 |
| Ông Vũ Văn Toàn | Phó Tổng Giám đốc điều hành | Miễn nhiệm ngày 24/04/2025 |
| Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01/04/2025 |
| Ông Nguyễn Đại Nam | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/01/2026 |

Ban Kiểm soát

| | | |
|------------------------|------------|----------------------------|
| Ông Đỗ Đức Hiệp | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 21/04/2025 |
| Ông Nguyễn Văn Vỹ | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 21/04/2025 |
| Bà Đặng Thị Hà Giang | Thành viên | |
| Bà Nguyễn Vũ Ý Tân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/04/2025 |
| Bà Nguyễn Thị Tiến Chi | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 21/04/2025 |

Kế toán trưởng

| | | |
|-----------------------|----------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Cương | Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 02/02/2026 |
| Bà Nguyễn Thị Lụa | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 02/02/2026 |

NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 11/02/2026, Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Dược phẩm Việt Nam (Công ty con) đã mua thành công hơn 1,4 triệu cổ phần của Công ty CP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic và trở thành cổ đông lớn sở hữu 15.89% vốn. Ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY Co., Ltd).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty một cách trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Văn Toàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

Số: 228/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư y tế - dược phẩm Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư y tế - dược phẩm Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 17/03/2026, từ trang 06 đến trang 47 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tập đoàn đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác tại Báo cáo kiểm toán số 111/2025/BCKT-AVI-TC1 ngày 31/3/2025 với ý kiến chấp nhận toàn phần có vấn đề nhấn mạnh liên quan tới việc công bố thông tin các giao dịch đầu tư tài chính.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số: 3660-2026-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thu Hà

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHNKT số: 2277-2023-112-1

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31/12/2025

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 737.806.511.812 | 562.294.668.490 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 29.227.915.103 | 19.581.608.627 |
| Tiền | 111 | | 27.807.915.103 | 19.431.608.627 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.420.000.000 | 150.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 13.656.209.949 | 180.200.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 6 | 13.656.209.949 | 180.200.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 571.045.980.876 | 387.304.882.539 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 275.976.707.917 | 444.972.468.085 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 9 | 133.866.766.117 | 309.447.807.995 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 4.576.315.789 | 4.700.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 10 | 275.286.802.244 | 740.375.576.245 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 11 | (118.660.611.191) | (1.112.190.969.786) |
| Hàng tồn kho | 140 | 8 | 121.431.088.449 | 152.827.362.496 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 141.882.388.719 | 172.126.118.935 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (20.451.300.270) | (19.298.756.439) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.445.317.435 | 2.400.614.828 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 14 | 2.283.810.987 | 1.666.605.150 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 161.506.448 | 729.067.910 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 17 | - | 4.941.768 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 334.144.167.469 | 265.808.003.685 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.041.608.920 | 1.517.108.920 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 10 | 1.041.608.920 | 112.267.108.920 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | 11 | - | (110.750.000.000) |
| Tài sản cố định | 220 | | 121.165.962.842 | 101.266.116.561 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 120.145.134.270 | 99.947.101.736 |
| - Nguyên giá | 222 | | 609.207.009.403 | 572.990.184.114 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (489.061.875.133) | (473.043.082.378) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 1.020.828.572 | 1.319.014.825 |
| - Nguyên giá | 228 | | 5.313.999.620 | 5.313.999.620 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.293.171.048) | (3.994.984.795) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.242.430.972 | 5.238.875.261 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 2.242.430.972 | 5.238.875.261 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 15 | 192.800.000.000 | 140.000.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 750.000.000 | 750.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 253 | | 192.800.000.000 | 140.000.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (750.000.000) | (750.000.000) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 16.894.164.735 | 17.785.902.943 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 14.662.957.492 | 16.524.418.246 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 2.231.207.243 | 1.261.484.697 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 1.071.950.679.281 | 828.102.672.175 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 445.319.045.730 | 288.421.043.975 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 413.377.257.994 | 288.286.032.550 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 83.627.756.622 | 87.795.950.428 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 19 | 14.255.217.259 | 11.674.486.600 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 17 | 14.821.776.806 | 25.439.864.101 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 7.610.747.282 | 6.896.320.667 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 18 | 10.582.285.624 | 9.130.658.468 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 4.562.199.358 | 1.561.608.918 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 20 | 271.202.965.201 | 140.828.584.046 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 6.714.309.842 | 4.958.559.322 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 31.941.787.736 | 135.011.425 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 20 | 31.879.052.238 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả | 341 | | 62.735.498 | 135.011.425 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 626.631.633.551 | 539.681.628.200 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 626.631.633.551 | 539.681.628.200 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 1.125.001.710.000 | 1.125.001.710.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.125.001.710.000 | 1.125.001.710.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 402.288.328.850 | 402.288.328.850 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 19.211.235.252 | 19.211.235.252 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (957.124.525.653) | (1.007.069.805.417) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (1.007.069.805.417) | (1.047.352.036.211) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế năm nay | 421b | | 49.945.279.764 | 40.282.230.794 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 37.254.885.102 | 250.159.515 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.071.950.679.281 | 828.102.672.175 |



Vũ Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

Cương

Nguyễn Ngọc Cương
Giám đốc tài chính

Lụa

Nguyễn Thị Lụa
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 23 | 766.174.110.037 | 611.676.440.253 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 3.020.832.512 | 135.980.952 |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 763.153.277.525 | 611.540.459.301 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 614.235.835.215 | 463.968.739.756 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 148.917.442.310 | 147.571.719.545 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 14.868.562.764 | 27.677.414.340 |
| Chi phí tài chính | 22 | 26 | 16.785.051.542 | 6.261.510.071 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 14.682.164.284 | 5.437.218.352 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 27 | 53.083.600.696 | 62.073.875.028 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 28 | 43.038.157.200 | 48.988.223.987 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 50.879.195.636 | 57.925.524.799 |
| Thu nhập khác | 31 | 30 | 14.997.386.291 | 8.927.990.108 |
| Chi phí khác | 32 | 31 | 4.422.546.069 | 7.988.506.018 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 10.574.840.222 | 939.484.090 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 61.454.035.858 | 58.865.008.889 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 32 | 12.498.675.840 | 20.628.655.090 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | (994.645.333) | (2.099.742.262) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 49.950.005.351 | 40.336.096.061 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i> | 61 | | 49.945.279.764 | 40.282.230.795 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i> | 62 | | 4.725.587 | 53.865.266 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 70 | 33 | 444 | 358 |



Vũ Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Cương
Giám đốc tài chính

Nguyễn Thị Lua
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| Chỉ tiêu | Mã Thuyết số minh | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | VND | VND |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 61.454.035.858 | 58.865.008.889 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 24.738.775.637 | 35.302.084.719 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 7.963.258.834 | 7.797.098.609 |
| Lãi/Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 178.510.419 | (509.484.551) |
| Lãi/Lỗ hoạt động đầu tư | 05 | (16.587.616.830) | (24.511.866.513) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 14.682.164.284 | 5.437.218.352 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 92.429.128.201 | 82.380.059.505 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (178.986.809.431) | 65.610.146.099 |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 30.243.730.216 | (95.953.410.572) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả) | 11 | (2.733.768.279) | 47.232.504.846 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 1.244.254.917 | (3.333.360.846) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (14.532.766.560) | (5.417.321.916) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (16.209.352.528) | (4.765.118.746) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (88.545.583.464) | 85.753.498.370 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (41.862.049.715) | (16.594.251.977) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 2.001.318.181 | 3.939.090.907 |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (506.350.000.000) | (511.200.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 726.398.684.211 | 379.310.000.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (349.726.000.000) | (140.000.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 46.926.000.000 | - |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 21.550.503.870 | 17.334.201.860 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (101.061.543.453) | (267.210.959.210) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-----------|----------------|------------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 667.234.404.502 | 262.560.100.575 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (504.980.971.109) | (214.457.833.868) |
| Nhận tiền góp vốn từ cổ đông không kiểm soát | 37 | | 37.000.000.000 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 199.253.433.393 | 48.102.266.707 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 9.646.306.476 | (133.355.194.133) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 5 | 19.581.608.627 | 152.936.802.760 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 5 | 29.227.915.103 | 19.581.608.627 |



Vũ Văn Toàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Cương
Giám đốc tài chính

Nguyễn Thị Lụa
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Mẫu số 09-DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư y tế - dược phẩm Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật, đổi tên từ ngày 06/11/2025) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101178800 ngày 27/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 23 ngày 06/11/2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.125.001.710.000 đồng, tương ứng 112.500.171 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu JVC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31/12/2025 là 165 người (tại ngày 01/01/2025 là 164 người).

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư y tế;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Đầu tư liên kết thiết bị y tế;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;
- Hoạt động đầu tư tài chính.

1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có một Chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Đầu tư y tế - dược phẩm Việt Nam, địa chỉ tại số 218 Trần Hưng Đạo, Phường Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động chính trong lĩnh vực bán buôn máy móc, thiết bị và vật tư y tế khác.

Thông tin chi tiết về công ty con, công ty liên doanh liên kết của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| Tên đơn vị | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính |
|---|----------------------------|-------------------|------------------------|--|
| Công ty con | | | | |
| Công ty TNHH Kyoto Medical Science | Hà Nội | 100% | 100% | Không hoạt động kinh doanh trong năm 2025 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật | Hà Nội | 99% | 99% | Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Dược Phẩm Việt Nam (*) | Hà Nội | 85,2% | 85,2% | Kinh doanh dược phẩm. |
| Công ty liên kết | | | | |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín | Hồ Chí Minh | 25% | 25% | Kinh doanh thiết bị y tế |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Dược Phẩm Việt Nam trở thành công ty con kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2025.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách chuẩn mực và chế độ kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200 (Thông tư 53) Thông tư 202 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán Tập đoàn sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200 (Thông tư 53), Thông tư 202 cũng như các hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung ở các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tập đoàn trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Việc tăng/giảm dự phòng phải thu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

| Nhóm tài sản cố định | Thời gian sử dụng (năm) |
|---------------------------------|--------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 |
| Máy móc và thiết bị | 03-12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06-10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03-06 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 03-06 năm.

4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm giá trị dụng cụ đã xuất dùng tối đa 36 tháng, và các chi phí khác được phân bổ theo thời hạn của khoản chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.11 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán và doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

4.12 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

4.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

4.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.15 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.17 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán đó;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.17 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ các khoản lợi nhuận được chia từ công ty con, lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi bán ngoại tệ và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên các số dư tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

4.18 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện hành và số thuế hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không được chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do Tập đoàn không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa thu nhập chịu thuế và thu nhập kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quyết định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.19 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tập đoàn gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 602.325.859 | 242.275.046 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 27.205.589.244 | 19.189.333.581 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 1.420.000.000 | 150.000.000 |
| | 29.227.915.103 | 19.581.608.627 |

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng TMCP. Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn này được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng thương mại. Chi tiết tại thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGAN HẠN

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|-----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | | | |
| - Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 13.656.209.949 | 13.656.209.949 | 180.200.000 | 180.200.000 |
| | 13.656.209.949 | 13.656.209.949 | 180.200.000 | 180.200.000 |

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại. Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn này được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU NGAN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng (*) VND |
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan | | | | |
| - Công ty Cổ phần Tasco | - | - | 46.427.520 | - |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên khác | 275.976.707.917 | (85.565.736.405) | 444.926.040.565 | (325.729.017.839) |
| - Công ty TNHH Đầu tư phát triển Công nghệ Hoàn Mỹ | 33.643.020.795 | - | 681.924.000 | - |
| - Bệnh viện Kiến An | 25.474.050.000 | - | - | - |
| - Công ty TNHH Thương mại Hường Đông | 48.693.747.216 | (48.693.747.216) | 95.620.562.655 | (95.620.562.655) |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư AI | 9.061.795.788 | (9.061.795.788) | 97.904.625.613 | (97.904.625.613) |
| - Công ty TNHH Một thành viên 16A | 9.920.595.600 | (9.920.595.600) | 26.012.725.600 | (25.496.725.600) |
| - Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên | 10.492.501.970 | (10.492.501.970) | 28.031.022.362 | (28.031.022.362) |
| - Các khách hàng khác | 138.690.996.548 | (7.397.095.831) | 196.675.180.335 | (78.676.081.609) |
| | 275.976.707.917 | (85.565.736.405) | 444.972.468.085 | (325.729.017.839) |

(*) Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện việc xóa nợ và theo dõi ngoại bảng với các khoản công nợ đã trích lập dự phòng 100% và sau 3 năm từ thời điểm trích lập dự phòng đủ 100% vẫn chưa thu hồi được công nợ theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 26 tháng 3 năm 2025. *Chi tiết tại TM số 22.2*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|---------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| - Hàng đang đi trên đường | 22.558.224.202 | - | 8.971.969.181 | - |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | - | 1.042.368.808 | - |
| - Hàng hoá | 107.968.918.534 | (20.384.051.734) | 158.183.362.880 | (19.062.849.741) |
| - Hàng gửi bán | 11.355.245.983 | (67.248.536) | 3.928.418.066 | (235.906.698) |
| | 141.882.388.719 | (20.451.300.270) | 172.126.118.935 | (19.298.756.439) |

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng (*) VND |
| Công ty TNHH Thiết bị y tế An Thành Phát | 12.240.360.000 | (12.240.360.000) | 12.240.360.000 | (12.240.360.000) |
| Công ty Luật TNHH Công lý Toàn Dân | 2.889.424.958 | (2.889.424.958) | 2.889.424.958 | (2.889.424.958) |
| JWB Co., Ltd | - | - | 190.230.906.514 | (190.230.906.514) |
| Nishimura Medical Instrument | - | - | 29.872.783.121 | (29.872.783.121) |
| Công ty TNHH Trang thiết bị Công trình y tế | - | - | 24.725.000.000 | (24.725.000.000) |
| Công ty TNHH Sản xuất và kinh doanh Thuốc và Thiết bị Y tế RC | 118.736.981.159 | (30.013.973) | 21.080.000.000 | (21.080.000.000) |
| Các đối tượng khác | | | 28.409.333.402 | (13.666.656.059) |
| Cộng | 133.866.766.117 | (15.159.798.931) | 309.447.807.995 | (294.705.130.652) |

(*) Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện việc xóa nợ và theo dõi ngoại bảng với các khoản công nợ đã trích lập dự phòng 100% và sau 3 năm từ thời điểm trích lập dự phòng đủ 100% vẫn chưa thu hồi được công nợ theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HDQT-JVC ngày 26 tháng 3 năm 2025.
(Chi tiết tại TM số 22.2)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM
Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng (**) VND |
| Ngắn hạn | 275.286.802.244 | (17.935.075.855) | 740.375.576.245 | (491.756.821.295) |
| Phải thu về hợp tác đầu tư tài chính (*) | 3.025.000.000 | - | 236.200.000.000 | - |
| Các khoản khác | 272.261.802.244 | (17.935.075.855) | 504.175.576.245 | (491.756.821.295) |
| Các khoản ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ cho đối tác đã ngừng hợp tác và CNCNV đã nghỉ việc tại Công ty | 11.354.661.785 | (11.354.661.785) | 480.998.562.907 | (480.998.562.907) |
| Phải thu về chuyển nhượng cổ phần (***) | 250.000.000.000 | - | - | - |
| Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay | 185.268.524 | - | 7.676.099.434 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 305.394.352 | - | 427.328.242 | - |
| Tạm ứng | 3.706.542.472 | - | 4.021.465.551 | - |
| Phải thu khác | 6.709.935.111 | (6.580.414.070) | 11.052.120.111 | (10.758.258.388) |
| Dài hạn | 1.041.608.920 | - | 112.267.108.920 | (110.750.000.000) |
| Ký cược, ký quỹ | 1.041.608.920 | - | 1.517.108.920 | - |
| Các khoản ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ cho đối tác đã ngừng hợp tác và CNCNV đã nghỉ việc tại Công ty | - | - | 110.750.000.000 | (110.750.000.000) |
| Cộng | 276.328.411.164 | (17.935.075.855) | 852.642.685.165 | (602.506.821.295) |

(*) Là các khoản hợp tác đầu tư tài chính với đối tác của Tập đoàn nhằm mục đích kiểm lợi nhuận, thời hạn hợp tác là từ 6 tháng đến 12 tháng, Tập đoàn có quyền rút một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp hợp tác ngay sau khi thông báo cho đối tác. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả đầu tư và tỷ lệ theo thỏa thuận giữa các bên tại thời điểm thanh lý hợp đồng nhưng đảm bảo không thấp hơn chi phí cơ hội do hai bên xác định theo từng hợp đồng.

(**) Tập đoàn đã thực hiện việc xóa nợ và theo dõi ngoại bảng với các khoản công nợ đã trích lập dự phòng 100% và sau 3 năm từ thời điểm trích lập dự phòng đủ 100% vẫn chưa thu hồi được công nợ theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 26 tháng 3 năm 2025. (Chi tiết tại TM số 22.2)

(***) Đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (PMC). Ngày 11/02/2026, Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Dược phẩm Việt Nam (Công ty con) đã mua thành công hơn 1,4 triệu cổ phần của PMC và trở thành cổ đông lớn sở hữu 15,89% vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. NỢ XẤU

| Thời gian | 31/12/2025 | | | 01/01/2025 | | |
|--|------------------------|----------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị trích lập dự phòng | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị trích lập dự phòng | Giá trị có thể thu hồi |
| Năm | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu của khách hàng (*) | 90.664.810.661 | (85.565.736.405) | 5.099.074.256 | 333.148.163.279 | (325.729.017.839) | 7.419.145.440 |
| - Công ty TNHH Thương mại > 3 năm | 48.693.747.216 | (48.693.747.216) | - | 95.620.562.655 | (95.620.562.655) | - |
| Hướng Đông | | | | | | |
| - Công ty Cổ phần Dầu tư AI > 3 năm | 9.061.795.788 | (9.061.795.788) | - | 97.904.625.613 | (97.904.625.613) | - |
| - Công ty Cổ phần Thiết bị Y > 3 năm | 10.492.501.970 | (10.492.501.970) | - | 28.031.022.362 | (28.031.022.362) | - |
| tế Triết Tôn Tiên | | | | | | |
| - Công ty TNHH Một thành viên 16A > 3 năm | 9.920.595.600 | (9.920.595.600) | - | 25.496.725.600 | (25.496.725.600) | - |
| - Các khách hàng khác | 12.496.170.087 | (7.397.095.831) | 5.099.074.256 | 86.095.227.049 | (78.676.081.609) | 7.419.145.440 |
| Trả trước cho người bán (*) | 15.159.798.931 | (15.159.798.931) | - | 299.244.066.139 | (294.705.130.652) | 4.538.935.487 |
| - JWB., Co > 3 năm | - | - | - | 190.230.906.514 | (190.230.906.514) | - |
| - Nishimura Medical > 3 năm | - | - | - | 29.872.783.121 | (29.872.783.121) | - |
| - Công ty TNHH Trang thiết bị Công trình Y tế > 3 năm | - | - | - | 24.725.000.000 | (24.725.000.000) | - |
| - Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thuốc và Thiết bị Y tế RC > 3 năm | - | - | - | 21.080.000.000 | (21.080.000.000) | - |
| - Các nhà cung cấp khác > 3 năm | 15.159.798.931 | (15.159.798.931) | - | 33.335.376.504 | (28.796.441.017) | 4.538.935.487 |
| Phải thu khác (*) | 17.935.075.855 | (17.935.075.855) | - | 602.506.821.295 | (602.506.821.295) | - |
| - Công ty TNHH Thương mại > 3 năm | - | - | - | 87.934.458.528 | (87.934.458.528) | - |
| Hướng Đông | | | | | | |
| - Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên (ngắn hạn và dài hạn) > 3 năm | - | - | - | 426.110.806.472 | (426.110.806.472) | - |
| - Các khoản phải thu khác > 3 năm | 17.935.075.855 | (17.935.075.855) | - | 88.461.556.295 | (88.461.556.295) | - |
| Tổng cộng | 123.759.685.447 | (118.660.611.191) | 5.099.074.256 | 1.234.899.050.713 | (1.222.940.969.786) | 11.958.080.927 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. NỢ XẤU (TIẾP)

(*) Tập đoàn thực hiện việc xóa nợ và theo dõi ngoại bảng với các khoản công nợ đã trích lập dự phòng 100% và sau 3 năm từ thời điểm trích lập dự phòng đủ 100% vẫn chưa thu hồi được công nợ theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HĐQT-JVC ngày 26 tháng 3 năm 2025. (Chi tiết tại TM số 22.2)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện, vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---|---------------------------|----------------------|--|---------------------------------|------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| 01/01/2025 | 4.695.208.182 | 556.962.997.867 | 7.898.146.408 | 3.433.831.657 | 572.990.184.114 |
| - Mua sắm, lắp đặt hoàn thành trong năm | 2.922.151.701 | 45.020.840.210 | 2.142.396.363 | 325.010.488 | 50.410.398.762 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (12.761.635.712) | (1.106.927.273) | (325.010.488) | (14.193.573.473) |
| 31/12/2025 | 7.617.359.883 | 589.222.202.365 | 8.933.615.498 | 3.433.831.657 | 609.207.009.403 |
| HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| 01/01/2025 | 2.851.535.097 | 462.994.650.665 | 5.298.661.754 | 1.898.234.862 | 473.043.082.378 |
| - Khấu hao trong năm | 939.041.640 | 21.892.606.659 | 1.191.761.250 | 417.179.835 | 24.440.589.384 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (7.033.064.853) | (1.369.345.455) | (19.386.320) | (8.421.796.628) |
| 31/12/2025 | 3.790.576.737 | 477.854.192.470 | 5.121.077.549 | 2.296.028.377 | 489.061.875.133 |

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

| | | | | | |
|------------|---------------|-----------------|---------------|---------------|-----------------|
| 01/01/2025 | 1.843.673.085 | 93.968.347.202 | 2.599.484.654 | 1.535.596.795 | 99.947.101.736 |
| 31/12/2025 | 3.826.783.146 | 111.368.009.895 | 3.812.537.949 | 1.137.803.280 | 120.145.134.270 |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là: 305.893.601.487 đồng (tại ngày 01/01/2025 là: 281.871.953.202 đồng).

Giá trị còn lại tài sản dùng để thế chấp khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2025 là 75.007.235.920 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 46.433.369.414 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Phần mềm máy vi tính VND | Cộng VND |
|------------------------|--------------------------------|----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| 01/01/2025 | 5.313.999.620 | 5.313.999.620 |
| - Mua trong năm | - | - |
| 31/12/2025 | <u>5.313.999.620</u> | <u>5.313.999.620</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN | | |
| 01/01/2025 | 3.994.984.795 | 3.994.984.795 |
| - Khấu hao trong năm | 298.186.253 | 298.186.253 |
| 31/12/2025 | <u>4.293.171.048</u> | <u>4.293.171.048</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| 01/01/2025 | <u>1.319.014.825</u> | <u>1.319.014.825</u> |
| 31/12/2025 | <u>1.020.828.572</u> | <u>1.020.828.572</u> |

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là: 3.384.320.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 3.422.320.000 đồng).

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 2.283.810.987 | 1.666.605.150 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng | 217.836.977 | 180.028.824 |
| - Chi phí thuê mặt bằng | 850.691.705 | 848.308.663 |
| - Các khoản khác | 1.215.282.305 | 638.267.663 |
| Dài hạn | 14.662.957.492 | 16.524.418.246 |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng | 2.981.100.089 | 1.051.929.859 |
| - Chi phí sửa chữa tài sản | 7.171.668.733 | 9.509.922.968 |
| - Các khoản khác | 4.510.188.670 | 5.962.565.419 |
| | <u>16.946.768.479</u> | <u>18.191.023.396</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|--|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 750.000.000 | (750.000.000) | 750.000.000 | (750.000.000) |
| - Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín (1) | 750.000.000 | (750.000.000) | 750.000.000 | (750.000.000) |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 192.800.000.000 | - | 140.000.000.000 | - |
| - Đối tượng đầu tư 1 (2) | 140.000.000.000 | - | 140.000.000.000 | - |
| - Đối tượng đầu tư 2 (3) | 52.800.000.000 | - | - | - |
| | 193.550.000.000 | (750.000.000) | 140.750.000.000 | (750.000.000) |

- (1) Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Tín (thông tin về công ty liên kết tại thuyết minh số 1.4) với tổng giá trị 750.000.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 25%. Tập đoàn chưa tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín nên Tập đoàn đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư 100% đối với khoản vốn góp vào Công ty liên kết này từ năm 2017.
- (2) Giá trị khoản đầu tư là 140 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 10,75%. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về xác định giá trị hợp lý của giao dịch cũng như thường xuyên giám sát hiệu quả đầu tư để đánh giá rủi ro và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tập đoàn đánh giá khoản đầu tư được triển khai phù hợp với kế hoạch Tập đoàn và tuân thủ quy định pháp luật, không có khoản dự phòng tổn thất nào cần được trích lập tại ngày 31/12/2025.
- Toàn bộ phần vốn góp của Tập đoàn tại Đối tượng đầu tư 2 được sử dụng là tài sản bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.
- (3) Giá trị khoản đầu tư là 52,8 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 19,75%. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về xác định giá trị hợp lý của giao dịch cũng như thường xuyên giám sát hiệu quả đầu tư để đánh giá rủi ro và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tập đoàn đánh giá khoản đầu tư được triển khai phù hợp với kế hoạch Tập đoàn và tuân thủ quy định pháp luật, không có khoản dự phòng tổn thất nào cần được trích lập tại ngày 31/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM
 Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng,
 Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Konica Minolta, INC. | 6.596.080.524 | 6.596.080.524 | 16.978.185.518 | 16.978.185.518 |
| Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam | 40.241.235.896 | 40.241.235.896 | 48.960.720.612 | 48.960.720.612 |
| Microvention INC | 18.802.669.307 | 18.802.669.307 | - | - |
| United Imaging Healthcare Hong Kong Limited | 12.397.190.000 | 12.397.190.000 | - | - |
| Công ty TNHH Thiết bị Y tế Danh | - | - | 17.925.060.598 | 17.925.060.598 |
| Phải trả người bán khác | 5.590.580.895 | 5.590.580.895 | 3.931.983.700 | 3.931.983.700 |
| Cộng | 83.627.756.622 | 83.627.756.622 | 87.795.950.428 | 87.795.950.428 |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM
Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2025 | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | 31/12/2025 |
|--|-----------------------|--------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế và các khoản phải nộp | | | | |
| - Thuế giá trị gia tăng | 2.633.648.855 | 37.924.455.709 | 38.442.270.127 | 2.115.834.437 |
| - Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | 6.140.685.037 | 6.140.685.037 | - |
| - Thuế xuất, nhập khẩu | - | 399.717.327 | 399.717.327 | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 19.136.154.709 | 9.571.873.659 | 16.209.352.528 | 12.498.675.840 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 350.385.381 | 5.383.821.533 | 5.541.998.621 | 192.208.293 |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 3.319.675.156 | 43.780.520 | 3.348.397.440 | 15.058.236 |
| | 25.439.864.101 | 65.279.797.326 | 75.897.884.621 | 14.821.776.806 |
| | 01/01/2025 | Số phải thu trong năm | Số đã thực thu/bù trừ trong năm | 31/12/2025 |
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế và các khoản phải thu | | | | |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 4.941.768 | - | 4.941.768 | - |
| | 4.941.768 | - | 4.941.768 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 10.582.285.624 | 9.130.658.468 |
| - Chi phí lãi vay phải trả | 289.343.680 | 133.271.983 |
| - Chi phí tư vấn chuyên môn | 5.303.255.718 | 5.538.465.918 |
| - Lợi nhuận phải trả theo các hợp đồng hợp tác đầu tư liên kết thiết bị y tế | - | 1.995.208.042 |
| - Trích trước chi phí hoa hồng | 4.687.880.677 | 1.341.788.856 |
| - Các khoản trích trước khác | 301.805.549 | 121.923.669 |
| Cộng | 10.582.285.624 | 9.130.658.468 |

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Bệnh viện Bạch Mai | 5.287.900.000 | - |
| Bệnh viện K | 3.593.400.000 | - |
| Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng | 2.038.950.000 | - |
| Công ty Cổ phần phòng khám đa khoa Sài Gòn - Nam Định | - | 4.892.500.000 |
| Bệnh viện Nhi Trung ương | - | 1.797.075.000 |
| Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 | - | 1.673.264.340 |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật | - | 1.330.000.000 |
| Sở y tế Quảng Bình | - | - |
| Các khách hàng khác | 3.334.967.259 | 1.981.647.260 |
| | 14.255.217.259 | 11.674.486.600 |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM
Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | | | |
|---|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | | |
| | VND | VND | VND | VND | | |
| Vay ngắn hạn và dài hạn đến hạn trả | 271.202.965.201 | 271.202.965.201 | 630.730.352.264 | 500.355.971.109 | 140.828.584.046 | 140.828.584.046 |
| Vay ngắn hạn | 263.504.310.201 | 263.504.310.201 | 623.031.697.264 | 500.355.971.109 | 140.828.584.046 | 140.828.584.046 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (1) | 15.842.147.390 | 15.842.147.390 | 49.693.070.044 | 47.975.326.600 | 14.124.403.946 | 14.124.403.946 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hà Thành (2) | 36.689.316.042 | 36.689.316.042 | 108.136.802.201 | 88.440.062.963 | 16.992.576.804 | 16.992.576.804 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 1 (3) | 34.521.863.960 | 34.521.863.960 | 91.070.563.853 | 121.189.419.101 | 64.640.719.208 | 64.640.719.208 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thăng Long (4) | 77.374.059.705 | 77.374.059.705 | 162.440.553.903 | 110.515.859.294 | 25.449.365.096 | 25.449.365.096 |
| Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội | - | - | - | 8.734.617.834 | 8.734.617.834 | 8.734.617.834 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội (5) | 18.760.443.742 | 18.760.443.742 | 61.201.580.092 | 53.128.138.508 | 10.687.002.158 | 10.687.002.158 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Ngô Quyền (6) | 12.197.764.422 | 12.197.764.422 | 26.040.584.944 | 13.842.820.522 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thăng Long (SHB) (7) | 67.397.187.600 | 67.397.187.600 | 122.897.187.600 | 55.500.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thăng Long (SHB) (8) | 721.527.340 | 721.527.340 | 1.551.354.627 | 829.827.287 | - | - |
| Các khoản vay cá nhân | - | - | - | 199.899.000 | 199.899.000 | 199.899.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

| | 31/12/2025 | | Trong năm | | 01/01/2025 | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | 7.698.655.000 | 7.698.655.000 | 7.698.655.000 | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Mỹ Đình (9) | 1.358.655.000 | 1.358.655.000 | 1.358.655.000 | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP SHB - CN Thăng Long (11) | 6.340.000.000 | 6.340.000.000 | 6.340.000.000 | - | - | - |
| Vay dài hạn | 31.879.052.238 | 31.879.052.238 | 44.202.707.238 | 12.323.655.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Mỹ Đình (9) | 7.796.230.000 | 7.796.230.000 | 9.154.885.000 | 1.358.655.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Mỹ Đình (10) | 8.245.000.000 | 8.245.000.000 | 9.700.000.000 | 1.455.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP SHB - CN Thăng Long (11) | 15.837.822.238 | 15.837.822.238 | 25.347.822.238 | 9.510.000.000 | - | - |
| Cộng | 303.082.017.439 | 303.082.017.439 | 674.933.059.502 | 512.679.626.109 | 140.828.584.046 | 140.828.584.046 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay:

| Hợp đồng vay | Mục đích vay | Hạn mức (VND) | Thời hạn vay | Tài sản đảm bảo |
|--|---|-----------------|-----------------------------|---|
| (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/6453135 ngày 17/07/2025 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh | 24.000.000.000 | 05 tháng kể từ ngày nhận nợ | Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản cố định của công ty (*) |
| (2) Hợp đồng cấp tín dụng số 25/8767425-CTD/018 ngày 20/05/2025 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh | 45.000.000.000 | 06 tháng kể từ ngày nhận nợ | Tài sản cố định, bất động sản của công ty và bên thứ 3 |
| (3) Hợp đồng cấp tín dụng số 311578.25.002.449769.TD ngày 26/06/2025 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên | 140.000.000.000 | Đến 26/06/2026 | Máy móc thiết bị, hàng hóa, và các quyền thu hồi các khoản phải thu thuộc sở hữu của công ty và các Hợp đồng tiền gửi |
| (4) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01.06/2025-HĐCVHM/NHCT326-VIETNHAT ngày 06/06/2025 | Phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thường xuyên | 120.000.000.000 | 06 tháng kể từ ngày nhận nợ | Bất động sản, các tài sản cố định của Công ty và bên thứ 3 |
| (5) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng chung số 817/24/TD/SME/011 ngày 16/07/2024 | Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C | 70.000.000.000 | 09 tháng kể từ ngày nhận nợ | Bất động sản của bên thứ ba |
| (6) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 667/2025/HĐTD/DDO ngày 17/11/2025 | Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh Phục vụ hoạt động kinh doanh thiết bị y tế vật tư tiêu hao | 120.000.000.000 | 06 tháng kể từ ngày nhận nợ | Hợp đồng tiền gửi của Công ty (*) |
| (7) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-35369-01 ngày 06/02/2025 | Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C | 50.000.000.000 | 06 tháng kể từ ngày nhận nợ | Không có tài sản đảm bảo |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM
Tầng 24, Tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, Phường Láng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay:

| Hợp đồng vay | Mục đích vay | Hạn mức (VND) | Thời hạn vay | Tài sản đảm bảo |
|--|--|-----------------|-----------------------------|--|
| (8) Hợp đồng cấp tín dụng theo hạn mức số 0110/2025/HDHM-PN/SHB ngày 10/7/2025 | Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C | 280.000.000.000 | 6 tháng kể từ ngày nhận nợ | Phần vốn góp tại đơn vị khác/ Quyền đòi nợ từ chính xác hợp đồng do SHB cấp tín dụng |
| (9) Hợp đồng cấp tín dụng theo hạn mức số 02/2025/6453135/HĐTĐ ngày 15/08/2025 | Cho vay, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ đầu tư hệ thống máy chụp cộng hưởng từ MRI lắp đặt tại Bệnh viện Đa khoa Hưng Thịnh | 11.000.000.000 | 60 tháng kể từ ngày nhận nợ | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| (10) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2025/16246050 | Cho vay thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư hệ thống máy chụp cộng hưởng từ MRI cho Trung tâm chuẩn đoán hình ảnh tại thành phố Vinh, Nghệ An. | 9.700.000.000 | 48 tháng kể từ ngày nhận nợ | Tài sản hình thành từ vốn vay |
| (11) Hợp đồng cấp tín dụng số 0014/2025/HHM-PN/SHB ngày 11/06/2024 | Thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ chuẩn đoán hình ảnh | 28.662.377.329 | 60 tháng kể từ ngày nhận nợ | Cổ phần của bên thứ ba và các tài sản có định của Công ty |

(*) Tại ngày 31/12/2025, giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn được Tập đoàn sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng thương mại là: 15.076.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Khoản mục | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Tổng cộng VND |
|-----------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------------------|-----------------|
| | | | | | | |
| 01/01/2024 | 1.125.001.710.000 | 402.288.328.850 | 19.211.235.252 | (1.047.352.036.211) | 196.294.248 | 499.345.532.139 |
| - Lãi trong năm | - | - | - | 40.282.230.794 | 53.865.267 | 40.336.096.061 |
| 31/12/2024 | 1.125.001.710.000 | 402.288.328.850 | 19.211.235.252 | (1.007.069.805.417) | 250.159.515 | 539.681.628.200 |
| 01/01/2025 | 1.125.001.710.000 | 402.288.328.850 | 19.211.235.252 | (1.007.069.805.417) | 250.159.515 | 539.681.628.200 |
| - Lãi trong năm | - | - | - | 49.945.279.764 | 37.004.725.587 | 86.950.005.351 |
| 31/12/2025 | 1.125.001.710.000 | 402.288.328.850 | 19.211.235.252 | (957.124.525.653) | 37.254.885.102 | 626.631.633.551 |

21.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | | | |
|--|-------------------|-------------------|------------|-------------------|-------------------|---------|
| | Số lượng cổ phiếu | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ | Số lượng cổ phiếu | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Đầu tư DTN Việt Nam | 17.000.000 | 170.000.000.000 | 15,11% | 17.000.000 | 170.000.000.000 | 15,11% |
| Các cổ đông khác | 95.500.171 | 955.001.710.000 | 84,89% | 95.500.171 | 955.001.710.000 | 84,89% |
| | 112.500.171 | 1.125.001.710.000 | 100,00% | 112.500.171 | 1.125.001.710.000 | 100,00% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.3 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 1.125.001.710.000 | 1.125.001.710.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 1.125.001.710.000 | 1.125.001.710.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

21.4 CỔ PHIẾU

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|---------------|---------------|
| | CP | CP |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 112.500.171 | 112.500.171 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 112.500.171 | 112.500.171 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 112.500.171 | 112.500.171 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 112.500.171 | 112.500.171 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 112.500.171 | 112.500.171 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i> | <i>10.000</i> | <i>10.000</i> |

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

22.1 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-----|------------|------------|
| USD | 100,00 | 100,00 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

22.2 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu khách hàng | 301.742.070.829 | 61.062.760.399 |
| <i>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0605/2022/NQ-HĐQT ngày 06/05/2022</i> | | |
| Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thái Bình | 1.681.893.883 | 1.681.893.883 |
| Công ty TNHH Đầu tư chuyên giao công nghệ Cuộc sống Hạ Long | 1.262.719.745 | 1.262.719.745 |
| Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông | 11.720.249.698 | 11.720.249.698 |
| Công ty TNHH Dược phẩm Tràng An | 2.546.920.463 | 2.546.920.463 |
| Công ty TNHH Một thành viên 16A | 1.451.900.001 | 1.451.900.001 |
| Công ty TNHH Đầu tư trang thiết bị Đại Dương | 364.320.200 | 364.320.200 |
| Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB | 33.792.574.163 | 33.792.574.163 |
| Doanh nghiệp Tư nhân Việt Hoa | 951.280.000 | 951.280.000 |
| Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư thương mại Thiên Ân | 1.061.000.000 | 1.061.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Phong Hoà | 2.312.795.365 | 2.312.795.365 |
| Công ty Cổ phần Vinaco Đông Dương | 1.099.345.000 | 1.099.345.000 |
| Công ty TNHH Y khoa Bạch Mai | 960.953.000 | 960.953.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nhật Tín | 61.780.000 | 61.780.000 |
| Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê | 664.166.986 | 664.166.986 |
| Trung tâm y tế huyện Thanh Ba | 594.014.849 | 594.014.849 |
| Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn | 536.847.046 | 536.847.046 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

22.2 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ (TIẾP)

| <i>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HĐQT ngày 26/03/2025</i> | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Bệnh viện đa khoa huyện Diễn Châu | 1.090.720.000 | - |
| Bệnh viện đa khoa Huyện Đô Lương | 39.930.000 | - |
| TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THẠCH HÀ | 172.151.800 | - |
| Trung tâm y tế Huyện Tân Kỳ | 58.600.000 | - |
| Bệnh viện đa khoa huyện Nam Đàn | 40.916.370 | - |
| Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc Nghệ An | 10.475.000 | - |
| Bệnh viện lao và bệnh phổi Nghệ An | 54.450.000 | - |
| Bệnh viện lao và phổi tỉnh Phú Thọ | 6.336.670 | - |
| Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương | 55.000.000 | - |
| Trung tâm Y tế Thị xã Cửa Lò (Bệnh viện Đa khoa Thị Xã Cửa Lò cũ) | 234.899.999 | - |
| Bệnh viện đa khoa Tâm Hồng Phước | 9.718.925.000 | - |
| Bệnh viện C Thái Nguyên | 15.573.443 | - |
| Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hà Nam | 19.580.000 | - |
| Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Hương Khê | 175.747.000 | - |
| Bệnh viện đa khoa Hải Dương | 333.600.000 | - |
| BQL DA ĐT XD các CT thuộc lĩnh vực VXHXH Nghệ An | 395.000.000 | - |
| Bệnh viện Nam Thăng Long | 21.275.000 | - |
| Bệnh viện Trẻ Em Hải Phòng | 1.032.653.476 | - |
| Bệnh Viện Đa Khoa Thị xã Phú Thọ | 38.500.000 | - |
| Bệnh viện tim mạch An Giang | 16.875.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển TBYT An Bình | 25.150.000 | - |
| Phòng khám đa khoa 68A | 670.632.800 | - |
| Công ty TNHH Minh Khang - Bệnh viện Thành An | 37.106.600 | - |
| Công ty TNHH Thiết bị y tế và Khoa học kỹ thuật | 43.651.500 | - |
| Công ty TNHH dịch vụ khoa học kỹ thuật Olympia | 14.507.680 | - |
| Công ty CP tập đoàn bệnh viện - PK ĐK Việt Mỹ (Nam Định) | 37.879.494 | - |
| Công ty CP phát triển ứng dụng công nghệ Y Cao (Bệnh viện K) | 210.078.468 | - |
| Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội | 14.450.000 | - |
| Công ty TNHH Medelab Việt Nam | 27.879.000 | - |
| Công ty TNHH Y tế Trí Đức | 89.425.000 | - |
| Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Anh Đức | 46.950.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Vietstyle | 3.642.337.500 | - |
| Phòng khám chẩn đoán hình ảnh Trương Công Luân | 10.436.500 | - |
| Công ty CP AMC | 519.000.000 | - |
| Công ty TNHH Y khoa Bạch Mai | 40.953.000 | - |
| Bệnh viện Đa khoa Hồng Đức | 33.400.000 | - |
| Công ty TNHH TBYT và công nghệ Hưng Hà - Nghĩa Bình | 1.500.000 | - |
| Công ty TNHH Dibis tỉnh Điện Biên | 871.870.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

22.2 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ (TIẾP)

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---|----------------|------------|
| | VND | VND |
| Phòng khám Chung Văn | 6.650.000 | - |
| DNTN - Trung tâm khám bệnh đa khoa Nhân dân | 80.164.000 | - |
| Khách hàng lẻ | 15.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn | 6.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ y tế Nhân ái | 31.000.000 | - |
| Phòng khám Đức Hòa | 50.000.000 | - |
| Công ty TNHH kỹ thuật Thương mại Đường Việt | 300.800.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Thương Mại Hải Ninh | 3.056.225.000 | - |
| Công ty cổ phần T&L | 19.770.000 | - |
| Công ty TNHH Thiết bị Y tế An Thành Phát | 12.589.300.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Gia Lai | 27.600.000 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam | 734.000 | - |
| Bệnh viện Bãi Cháy | 282.304.577 | - |
| Bệnh viện đa khoa Huyện Đô Lương | 2.000.000 | - |
| Bệnh viện đa khoa Cái Bè | 9.362.000 | - |
| Bệnh viện y học cổ truyền Bộ Công An | 42.854.893 | - |
| Khoa tiêu hóa - Bệnh viện Bạch Mai | 137.200.000 | - |
| Trung tâm phòng chống bệnh xã hội tỉnh Hòa Bình | 108.300.000 | - |
| Bệnh viện quận Phú Nhuận | 10.474.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư chuyển giao công nghệ Cuộc Sống Hạ Long | 5.948.880.000 | - |
| Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông | 46.926.815.439 | - |
| Công ty TNHH Một Thành viên Phòng khám đa khoa Tâm Hiền | 98.000.000 | - |
| Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Sài Gòn - Nam Định | 462.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Y tế Nghệ An | 495.600.000 | - |
| Công ty CP Phòng khám đa khoa Châu Thành | 160.000.210 | - |
| Công ty TNHH một thành viên 16A (Bệnh Viện Đa Khoa 16A Hà Đông) | 15.576.130.000 | - |
| Công ty TNHH Y thế kỷ | 4.335.362.300 | - |
| Công ty TNHH Thiết bị y khoa Đỗ Thân | 4.993.714.052 | - |
| Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo | 40.535.000 | - |
| Công ty CP phát triển ứng dụng công nghệ Y Cao (Bệnh viện K) | 2.427.842.001 | - |
| Công ty TNHH thiết bị y tế Triết Tôn Tiên (3T) | 17.538.520.392 | - |
| Công ty CP đầu tư A1 | 88.842.829.825 | - |
| Phòng khám 696 Trần Hưng Đạo | 1.660.340.000 | - |
| Công ty TNHH Y khoa Bạch Mai | 289.047.000 | - |
| Công ty TNHH Công Nghệ Y tế Toàn Cầu | 981.229.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Nhật Tín | 832.250.441 | - |
| Bế Văn Thiệu (Công ty Cẩm Quang Minh Anh) | 1.625.700.000 | - |
| Công ty CP dược VTYT Sao Khuê | 2.860.000 | - |
| Công ty TNHH công trình và trang thiết bị y tế | 10.797.500.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

22.2 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ (TIẾP)

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước cho người bán | 322.791.773.800 | 14.944.250.000 |
| Pt. Japan Asian Medical | 3.034.250.000 | 3.034.250.000 |
| Công ty TNHH Trang thiết bị Công trình y tế | 11.910.000.000 | 11.910.000.000 |
| <i>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HĐQT ngày 26/03/2025</i> | | |
| JWB CO LTD., - JPY (DP) | 68.935.982.843 | - |
| Nishimura Medical Instrument - JPY - (DP) | 29.872.783.121 | - |
| PT.Japan Asia Medical - (DP) | 2.037.152.905 | - |
| Cool Pair Plus (DP) | 261.138.550 | - |
| ICR CO.INC (DP) | 262.125.000 | - |
| JWB CO., LTD - USD (DP) | 121.294.923.671 | - |
| Sadarita (DP) | 320.113.707 | - |
| Gold Lite PTE. Ltd (DP) | 14.851.200.000 | - |
| Công ty TNHH Kyoto Medical Science (DP) | 23.763.256.592 | - |
| Công ty CP ĐT & PT DV Quốc Tế Thăng Long (DP) | 106.562.978 | - |
| Công ty CP DV Vệ sinh công nghiệp nhà sạch Hoàn Mỹ (DP) | 3.300.000 | - |
| Công ty TNHH Vận Tải Du Lịch Hà Vinh (DP) | 17.600.000 | - |
| Công ty CP đầu tư AI (DP) | 1.000.020 | - |
| Công ty TNHH trang thiết bị công trình y tế (DP) | 24.725.000.000 | - |
| Công ty TNHH sản xuất kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC (dp) | 21.080.000.000 | - |
| Công ty CP Del Tech (DP) | 250.000.000 | - |
| Công ty Danh Tân (DP) | 35.300.000 | - |
| Trung tâm công nghệ môi trường Việt Nhật | 22.000.000 | - |
| ADVANCED MEDTECH SOLUTIONS PTE.LIMITED (DP) | 8.084.413 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

22.2 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ (TIẾP)

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|--------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu khác | 601.238.153.279 | 16.666.407.839 |
| <i>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0605/2022/NQ-HDQT ngày 06/05/2022</i> | | |
| Bà Đặng Thị Hà Giang | 1.100.000.000 | 1.100.000.000 |
| Ông Lê Văn Giáp | 1.483.913.224 | 1.483.913.224 |
| Bà Lê Thu Huyền | 4.506.284.000 | 4.506.284.000 |
| Ông Mai Hữu Hiếu | 6.155.000.000 | 6.155.000.000 |
| Ông Ngô Văn Hùng | 453.000.000 | 453.000.000 |
| Ông Vũ Quốc Hoàn | 157.947.000 | 157.947.000 |
| Bà Phạm Thị Thanh Xuân | 400.000.000 | 400.000.000 |
| Bà Trần Thị Quỳnh Trang | 110.986.215 | 110.986.215 |
| Ông Mai Hữu Nghiêm | 1.689.277.400 | 1.689.277.400 |
| Ông Lưu Xuân Hạ | 360.000.000 | 360.000.000 |
| Bà Nguyễn Phương Hạnh | 250.000.000 | 250.000.000 |
| <i>Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2603/2025/NQ-HDQT ngày 26/03/2025</i> | | |
| Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông | 87.934.458.528 | - |
| Công ty TNHH thiết bị y tế Triết Tôn Tiên (3T) | 426.110.806.472 | - |
| PT.Japan Asia Medical | 574.509.332 | - |
| DN1388 (Điều chỉnh theo KQKT (Ghi giảm tiền mặt: chênh lệch giữa sổ sách và thực tế) | 3.464.052.986 | - |
| Nguyễn Hữu Hiếu | 1.199.000.000 | - |
| Vũ Thanh Huyền (đã nghỉ việc) | 418.305.000 | - |
| Lê Văn Giáp | 3.788.500.000 | - |
| Phạm Văn Thanh | 1.530.000.000 | - |
| Phạm Văn Tuy | 7.144.019.505 | - |
| Lê Thu Huyền | 3.021.225.050 | - |
| Lê Văn Hướng | 17.940.332.532 | - |
| Đình Văn Cường | 200.003.000 | - |
| Đặng Hữu Khanh | 100.000.000 | - |
| Lê Văn Mạnh 1982 | 9.406.501.750 | - |
| Nguyễn Thị Mỹ Dung | 1.275.736.000 | - |
| Nguyễn Thị Kim Thanh | 10.000.000.000 | - |
| Lê Thị Hà | 100.000.000 | - |
| Đào Thị Tuyết Mai | 4.516.000.000 | - |
| Phạm Thị Thanh Xuân | 2.643.570.000 | - |
| Đặng Quốc Việt | 3.065.443.285 | - |
| Công ty cổ phần XPC | 110.000.000 | - |
| Công ty TNHH Họa Mi | 29.282.000 | - |
| Tổng cộng | 1.225.771.997.908 | 92.673.418.238 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 677.458.272.270 | 493.256.308.930 |
| Doanh thu hoạt động liên kết thiết bị y tế | 29.097.272.012 | 67.729.349.216 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 59.618.565.755 | 50.690.782.107 |
| Cộng | 766.174.110.037 | 611.676.440.253 |
| <i>Doanh thu với bên liên quan được trình bày tại TM 35.2</i> | | |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Hàng bán bị trả lại | 3.020.832.512 | 135.980.952 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 763.153.277.525 | 611.540.459.301 |

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 563.044.580.374 | 389.582.395.986 |
| Giá vốn hoạt động liên kết thiết bị y tế | 13.323.652.268 | 41.576.377.138 |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 36.714.935.906 | 35.793.217.661 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1.152.666.667 | (2.983.251.029) |
| | 614.235.835.215 | 463.968.739.756 |

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 998.189.490 | 6.909.220.826 |
| Lợi nhuận hợp đồng hợp tác đầu tư tài chính | 13.066.937.945 | 18.048.979.178 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 803.435.329 | 2.209.729.785 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm | - | 509.484.551 |
| | 14.868.562.764 | 27.677.414.340 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 14.682.164.284 | 5.437.218.352 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 1.924.376.839 | 824.291.719 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm | 178.510.419 | - |
| | 16.785.051.542 | 6.261.510.071 |

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân công | 25.993.537.718 | 27.945.311.541 |
| Chi phí vật liệu, CCDC | 1.013.658.524 | 790.895.046 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.127.994.552 | 5.898.230.883 |
| Chi phí khác | 22.948.409.902 | 27.439.437.558 |
| | 53.083.600.696 | 62.073.875.028 |

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân công | 22.418.344.029 | 19.329.704.154 |
| Chi phí vật liệu, CCDC | 1.000.291.178 | 519.634.202 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 673.758.217 | 1.423.192.400 |
| Trích lập dự phòng phải thu khó đòi | 5.054.964.483 | 11.274.209.304 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.621.561.069 | 5.618.456.286 |
| Chi phí khác | 7.269.238.224 | 10.823.027.641 |
| | 43.038.157.200 | 48.988.223.987 |

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 6.524.480.728 | 23.305.438.591 |
| Chi phí nhân công | 61.016.219.822 | 57.130.653.075 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 24.738.775.637 | 35.605.803.604 |
| Chi phí dự phòng | 7.963.258.834 | 7.104.498.328 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác | 48.706.773.534 | 65.837.727.292 |
| | 148.949.508.555 | 188.984.120.890 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***30. THU NHẬP KHÁC**

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 1.868.668.449 | - |
| Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp | 13.126.436.678 | 8.882.887.961 |
| Các khoản khác | 2.281.164 | 45.102.147 |
| | <u>14.997.386.291</u> | <u>8.927.990.108</u> |

31. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Khấu hao TSCĐ không phục vụ hoạt động kinh doanh | 111.941.346 | 460.134.624 |
| Các khoản phạt thuế, phạt vi phạm hành chính | 132.428.102 | 6.090.743.529 |
| Giá trị còn lại của tài sản hỏng | 3.884.877.767 | 605.721.499 |
| Lỗi thanh lý TSCĐ, vật tư, CCDC | - | 446.333.491 |
| Các khoản khác | 293.298.854 | 385.572.875 |
| | <u>4.422.546.069</u> | <u>7.988.506.018</u> |

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty mẹ | 12.380.536.180 | 20.624.667.222 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Y tế Việt Nhật | 118.139.660 | 3.987.868 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>12.498.675.840</u> | <u>20.628.655.090</u> |

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 49.945.279.764 | 40.282.230.795 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 112.500.171 | 112.500.171 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 444 | 358 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 444 | 358 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được chia thành các lĩnh vực kinh doanh là bán hàng hóa, hoạt động liên kết thiết bị y tế và dịch vụ khác. Tập đoàn lập báo cáo theo các bộ phận kinh doanh này:

Năm nay

| Chỉ tiêu | Bán hàng hóa VND | Hoạt động liên kết thiết bị y tế VND | Cung cấp dịch vụ VND | Tổng cộng toàn Công ty VND |
|--|------------------------|--|----------------------------|----------------------------------|
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | 674.437.439.758 | 29.097.272.012 | 59.618.565.755 | 763.153.277.525 |
| Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 564.197.247.041 | 13.323.652.268 | 36.714.935.906 | 614.235.835.215 |
| Tổng lãi kế toán trước thuế | 110.240.192.717 | 15.773.619.744 | 22.903.629.849 | 148.917.442.310 |

TÀI SẢN

Tài sản không phân bổ theo
bộ phận

1.071.950.679.281

Tổng tài sản

1.071.950.679.281

NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả không phân bổ
theo bộ phận

445.319.045.730

Tổng nợ phải trả

445.319.045.730

Năm trước

| Chỉ tiêu | Bán hàng hóa VND | Hoạt động liên kết thiết bị y tế VND | Cung cấp dịch vụ VND | Tổng cộng toàn Công ty VND |
|--|------------------------|---|----------------------------|----------------------------------|
| Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ | 493.120.327.978 | 67.729.349.216 | 50.690.782.107 | 611.540.459.301 |
| Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 386.599.144.957 | 41.576.377.138 | 35.793.217.661 | 463.968.739.756 |
| Tổng lãi kế toán trước thuế | 106.521.183.021 | 26.152.972.078 | 14.897.564.446 | 147.571.719.545 |

TÀI SẢN

Tài sản không phân bổ theo
bộ phận

828.102.672.175

Tổng tài sản

828.102.672.175

NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả không phân bổ
theo bộ phận

288.421.043.975

Tổng nợ phải trả

288.421.043.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC

35.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Quản lý và Đầu tư DTN Việt Nam
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Dược phẩm Trung Dũng
 Công ty Cổ phần Tasco
 Công ty Cổ phần Du thuyền SVC
 Công ty Cổ phần Savico Hà Nội
 Công ty Cổ phần Du thuyền Savico Đà Nẵng
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
 Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt

 Công ty TNHH Toyota Tây Ninh
 Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu

Mối liên hệ

Cổ đông lớn của Công ty
 Bên liên quan của người nội bộ
 Bên liên quan của người nội bộ
 Bên liên quan của người nội bộ
 Bên liên quan của người nội bộ
 Bên liên quan của người nội bộ
 Bên liên quan của người nội bộ
 Bên liên quan của người nội bộ
 Bên liên quan của người nội bộ
 Bên liên quan của người nội bộ
 Công ty

35.2 GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan:

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí khác | | |
| Công ty Cổ phần Tasco | 27.957.000 | 100.218.928 |
| | 27.957.000 | 100.218.928 |
| Thu nhập của Hội đồng quản trị | | |
| Chức vụ | Năm 2025 | Năm 2024 |
| | VND | VND |
| Chủ tịch HĐQT | 685.700.000 | 114.000.000 |
| Phó chủ tịch HĐQT | 857.250.000 | 1.583.205.009 |
| Thành viên HĐQT | 1.215.230.000 | 2.233.998.007 |
| Thành viên HĐQT độc lập | - | 60.000.000 |
| Cộng | 2.758.180.000 | 3.991.203.016 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.2 GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc

| Chức vụ | Năm 2025 | Năm 2024 |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng giám đốc | 1.561.500.000 | 1.583.205.009 |
| Phó Tổng giám đốc | 435.300.000 | 3.275.803.188 |
| Cộng | 1.996.800.000 | 4.859.008.197 |

36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền trong tương lai Tập đoàn phải trả theo các hợp đồng thuê văn phòng, thuê kho là:

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Từ 1 năm trở xuống | 4.705.076.148 | 6.719.293.551 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 10.615.240.000 | 12.402.778.579 |
| Trên 5 năm | 6.417.873.000 | 8.336.583.000 |
| Cộng | 21.738.189.148 | 27.458.655.130 |

37. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Tập đoàn không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tập đoàn đã được kiểm toán.



Vũ Văn Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Cương
Giám đốc tài chính

Nguyễn Thị Lụa
Kế toán trưởng

